

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC TUẦN



THỊ TRƯỜNG ĐANG XÂY NỀN TÍCH LŨY

Ngày: 16/03/2026 – 20/03/2026

NỘI DUNG BÁO CÁO

1. TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ
2. ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM
3. CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT
4. LỊCH SỰ KIỆN



TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

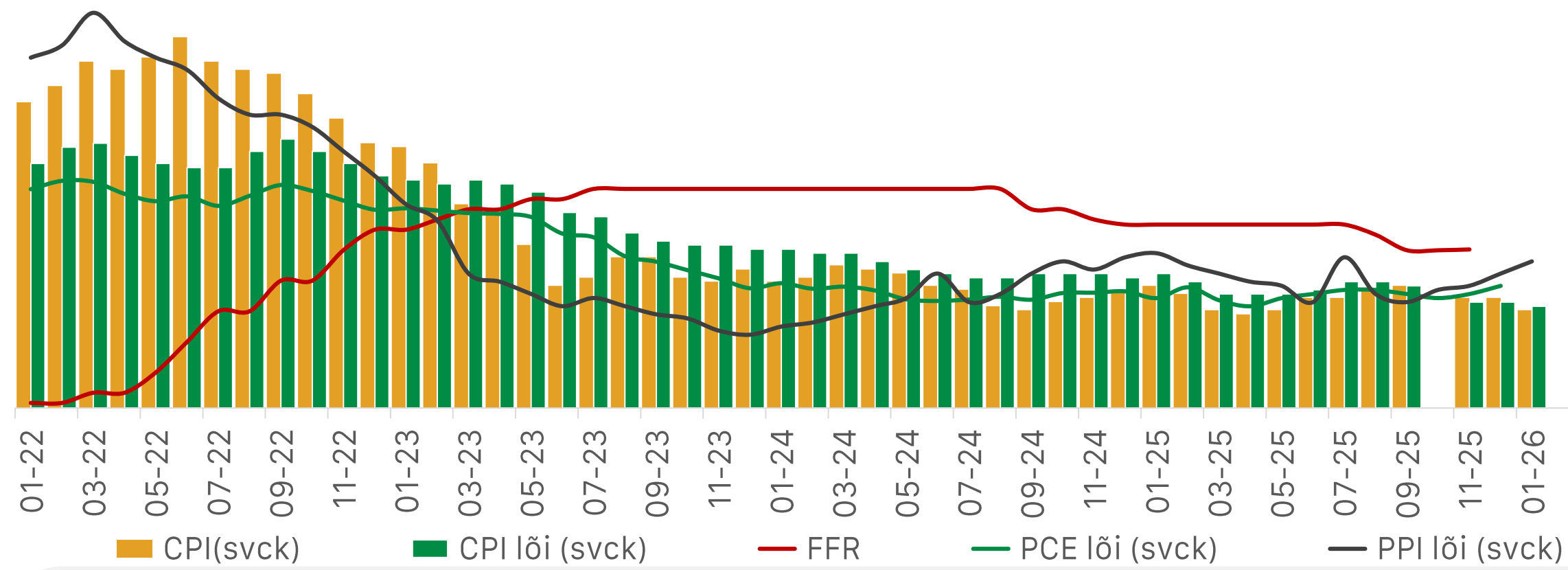


Kinh tế Mỹ — tăng trưởng ổn định, lạm phát hạ nhiệt nhưng rủi ro địa chính trị gia tăng

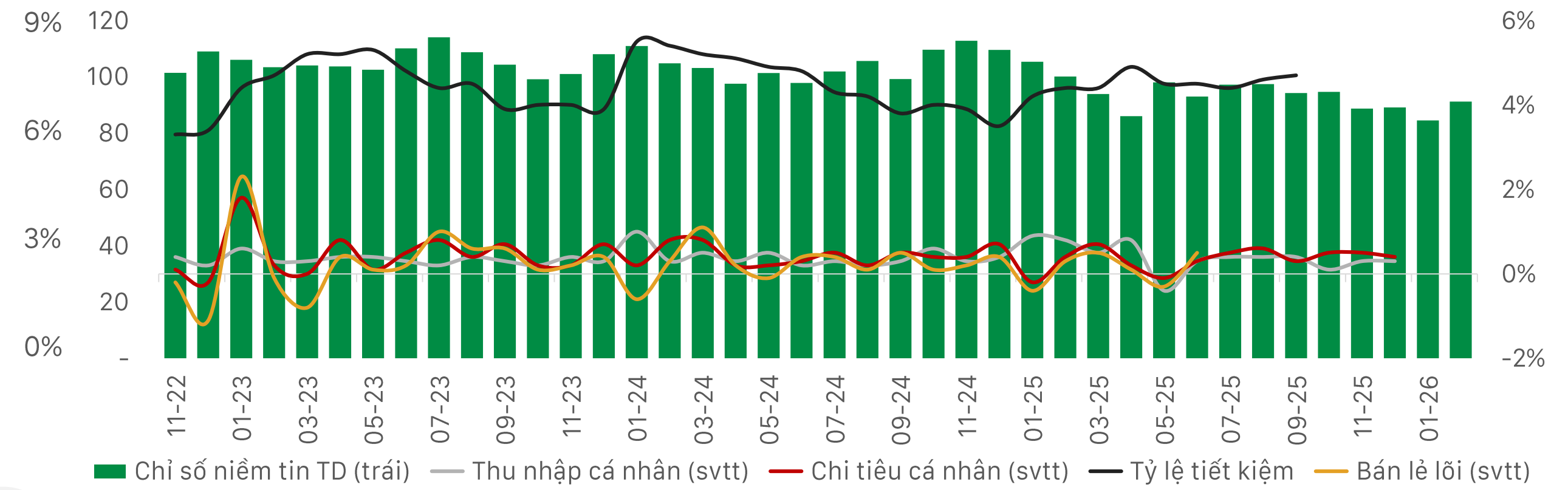


Bức tranh kinh tế Mỹ cho thấy trạng thái “tăng trưởng bền nhưng nhạy cảm với cú sốc bên ngoài”. Các yếu tố nội tại — đặc biệt đầu tư công nghệ, AI và năng suất lao động — đang giúp nền kinh tế duy trì mức tăng trưởng khá cao so với các nền kinh tế phát triển khác. Đồng thời, xu hướng giảm lạm phát tạo dư địa để Federal Reserve chuyển dần sang chu kỳ nới lỏng tiền tệ trong năm 2026, qua đó hỗ trợ hoạt động đầu tư và thị trường tài chính. Tuy nhiên, triển vọng trung hạn vẫn phụ thuộc vào hai biến số lớn: (1) khả năng duy trì sức chi tiêu của hộ gia đình trong bối cảnh chi phí năng lượng và lãi suất còn cao; và (2) các rủi ro địa chính trị có thể đẩy giá năng lượng và lạm phát quay trở lại. Nếu những rủi ro này được kiểm soát, kinh tế Mỹ nhiều khả năng duy trì tăng trưởng quanh 2–2,5 % trong 2026, tránh được suy thoái và tiếp tục đóng vai trò đầu tàu tăng trưởng của kinh tế toàn cầu.

Tăng trưởng kinh tế vẫn duy trì trên xu hướng nhờ đầu tư và công nghệ

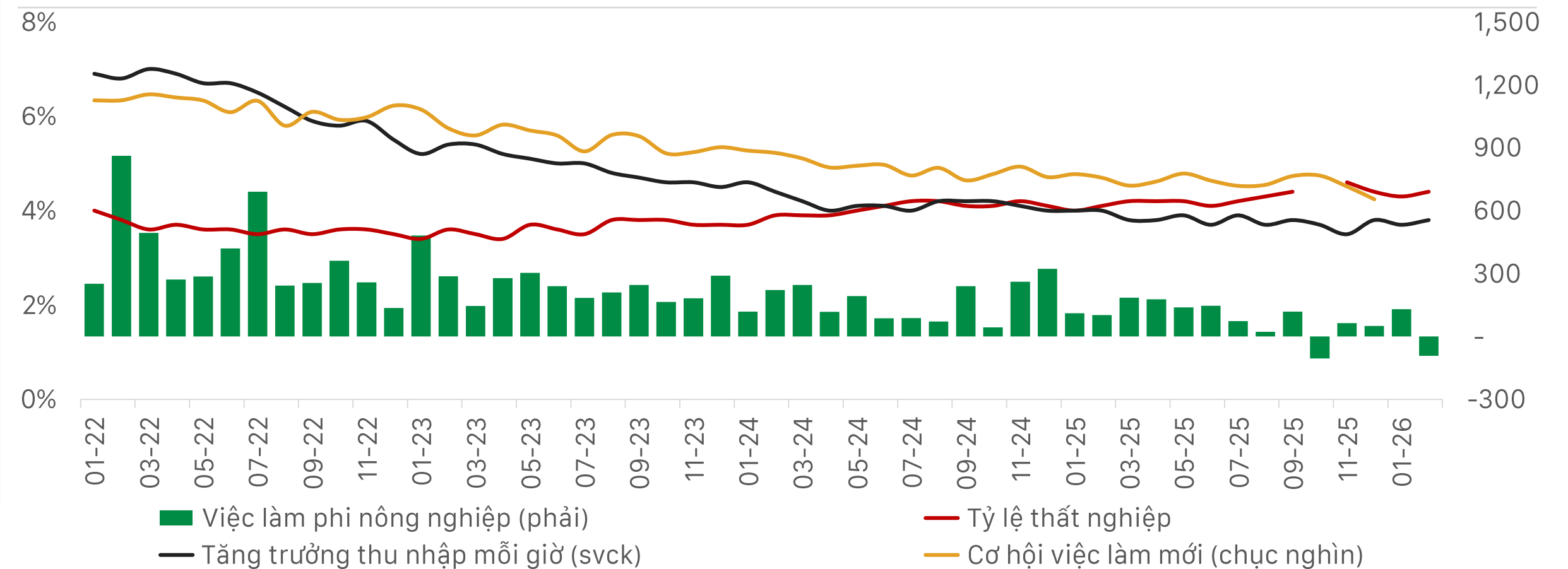


Lạm phát tiếp tục giảm dần, mở đường cho chu kỳ nới lỏng tiền tệ



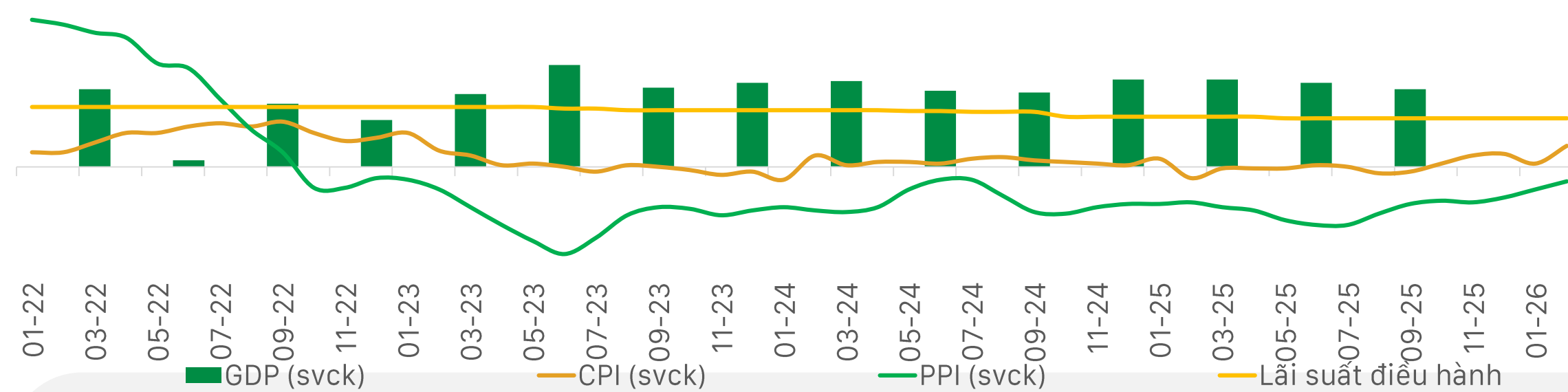
1. Tăng trưởng kinh tế vẫn duy trì trên xu hướng nhờ đầu tư và công nghệ. Các dự báo gần đây cho thấy kinh tế Mỹ tiếp tục duy trì tăng trưởng khoảng 2,4–2,6 % trong năm 2026, cao hơn nhiều nền kinh tế phát triển khác. Động lực chính đến từ đầu tư doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực AI, công nghệ và thiết bị, cùng với điều kiện tài chính tương đối thuận lợi. Biên bản của Federal Reserve cũng cho thấy các nhà hoạch định chính sách đánh giá tăng trưởng năm 2026 vẫn “solid”, nhờ đầu tư công nghệ và cải thiện năng suất lao động. **2. Lạm phát tiếp tục giảm dần, mở đường cho chu kỳ nới lỏng tiền tệ.** Nhiều tổ chức dự báo lạm phát lõi của Mỹ sẽ giảm dần về khoảng 2,6 % vào cuối năm 2026, nhờ chi phí nhà ở và chuỗi cung ứng ổn định hơn. Trong bối cảnh đó, thị trường và các tổ chức nghiên cứu kỳ vọng Fed có thể cắt giảm lãi suất khoảng 50 điểm cơ bản trong năm 2026, đưa lãi suất điều hành về vùng 3–3,25 %, nếu xu hướng giảm lạm phát tiếp tục. **3. Rủi ro mới từ địa chính trị và giá năng lượng.** Các diễn biến địa chính trị gần đây, đặc biệt xung đột ở Trung Đông, đang làm giá xăng tại Mỹ tăng mạnh (trên 3,5 USD/gallon) và tạo áp lực lên chi tiêu hộ gia đình. Nếu giá dầu vượt 90 USD/thùng trong thời gian dài, chi tiêu tiêu dùng và thị trường tài chính có thể bị ảnh hưởng, kéo giảm đà tăng trưởng kinh tế. Điều này làm cho triển vọng kinh tế Mỹ phụ thuộc nhiều hơn vào sức bền của tiêu dùng nội địa, vốn vẫn là động lực chính của GDP.

Rủi ro mới từ địa chính trị và giá năng lượng.



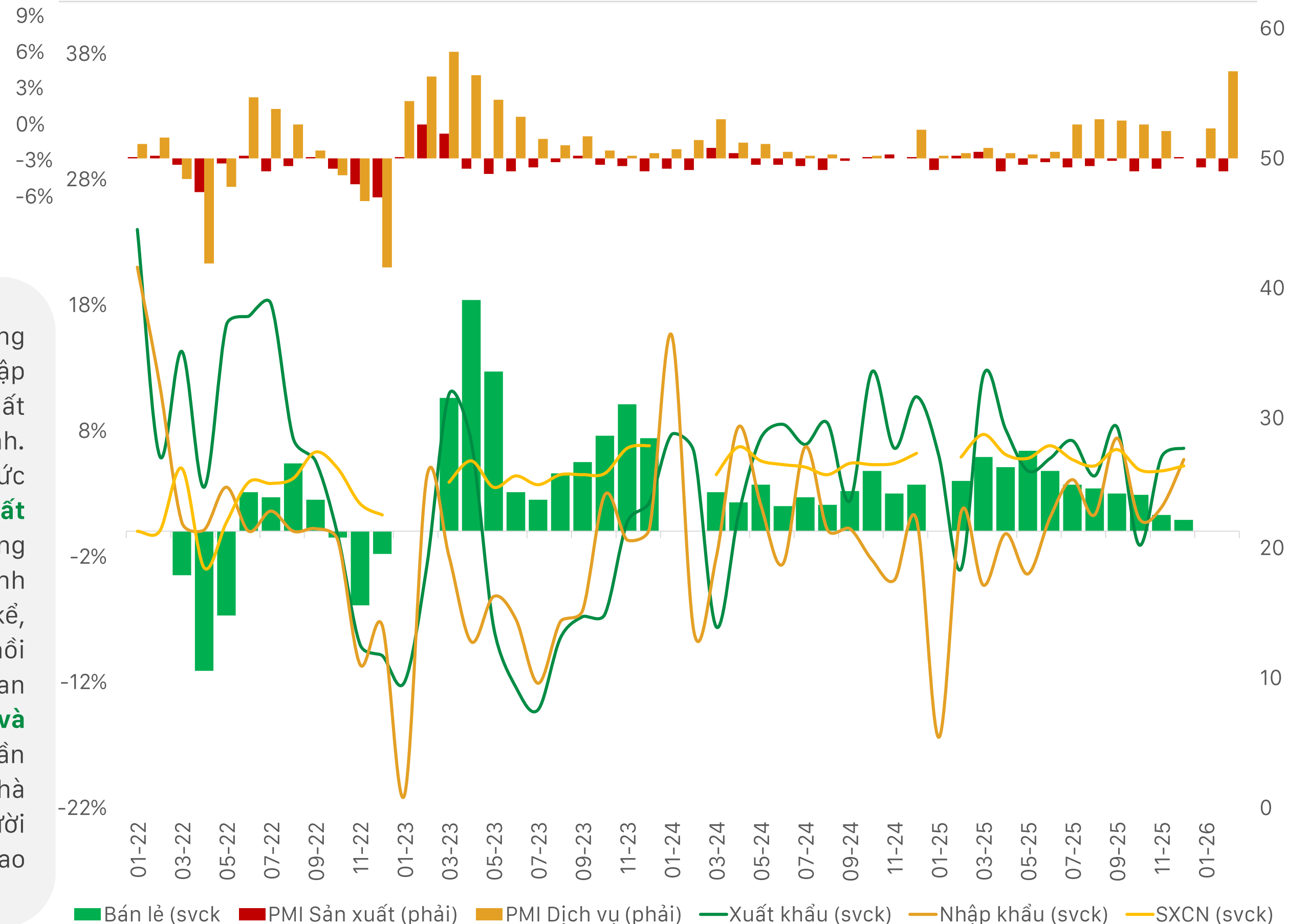
Kinh tế Trung Quốc thể hiện trạng thái “tăng trưởng chậm nhưng tái cấu trúc sâu”. Bắc Kinh chấp nhận mức tăng trưởng thấp hơn lịch sử (khoảng 4,5–5 %) để đổi lấy sự ổn định tài chính, kiểm soát rủi ro bất động sản và thúc đẩy các ngành công nghệ chiến lược như AI, bán dẫn và năng lượng sạch. Trong ngắn hạn, xuất khẩu và sản xuất công nghiệp vẫn sẽ là trụ cột chính của GDP, đặc biệt nhờ nhu cầu toàn cầu đối với sản phẩm công nghệ và chuỗi cung ứng mới. Tuy nhiên, thách thức lớn nhất nằm ở nội lực kinh tế: tiêu dùng hộ gia đình yếu, thị trường bất động sản chưa phục hồi và xu hướng nhân khẩu học bất lợi. Nếu Trung Quốc không kích thích được tiêu dùng nội địa và cải thiện niềm tin của hộ gia đình, nền kinh tế có thể duy trì trạng thái tăng trưởng trung bình khoảng 4–4,5 % trong nhiều năm tới — thấp hơn giai đoạn trước nhưng ổn định hơn. Tóm lại: Trung Quốc đang bước vào kỷ nguyên tăng trưởng chậm nhưng định hướng công nghệ và công nghiệp cao, trong đó thành công của chiến lược chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng dựa trên tiêu dùng và đổi mới sáng tạo sẽ quyết định triển vọng kinh tế của nước này trong thập kỷ tới.

Trung Quốc bước vào giai đoạn tăng trưởng chậm có chủ đích



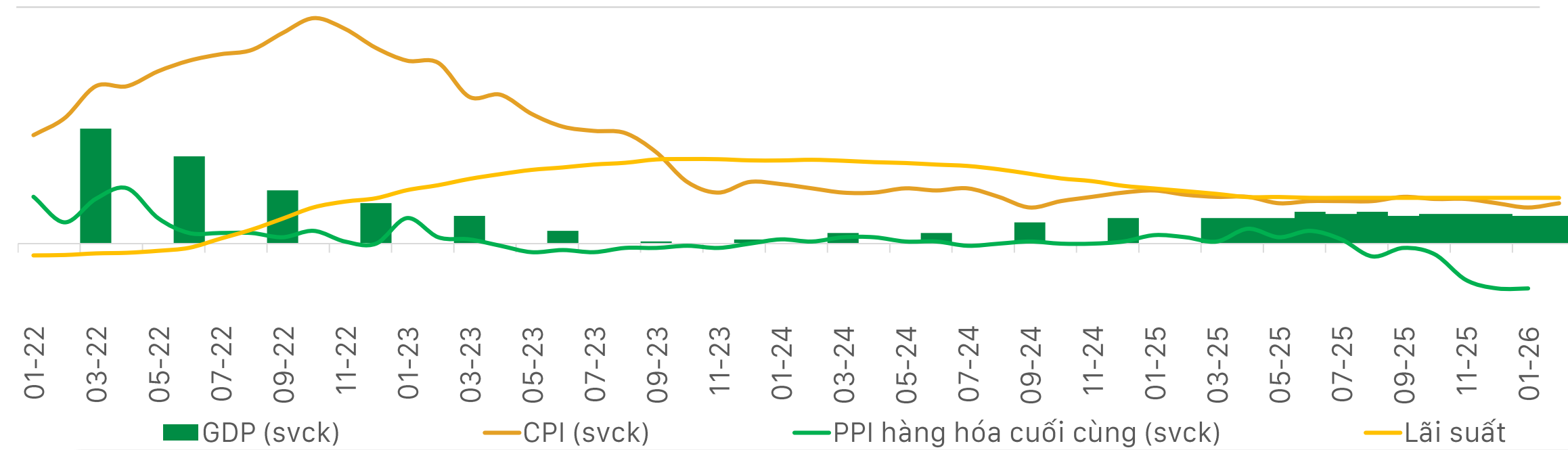
1. Trung Quốc bước vào giai đoạn tăng trưởng chậm có chủ đích. Tại kỳ họp Quốc hội đầu tháng 03/2026, Bắc Kinh đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 2026 khoảng 4,5–5 %, mức thấp nhất kể từ đầu thập niên 1990. Điều này phản ánh sự chuyển dịch chiến lược từ “tăng trưởng nhanh” sang phát triển chất lượng cao, trong bối cảnh bất động sản suy yếu, tiêu dùng yếu và môi trường toàn cầu bất định. Nhiều tổ chức quốc tế như IMF cũng dự báo tăng trưởng khoảng 4,5 % trong năm 2026, thấp hơn mức 5 % năm 2025 nhưng vẫn cho thấy nền kinh tế duy trì đà mở rộng ổn định. **2. Xuất khẩu và sản xuất tiếp tục là động lực chính.** Những tháng đầu năm 2026 ghi nhận bùng nổ xuất khẩu với mức tăng khoảng 21,8 % trong giai đoạn tháng 1–2, nhờ nhu cầu mạnh đối với điện tử, bán dẫn và các ngành công nghệ mới như xe điện, pin và năng lượng mặt trời. Các chỉ số sản xuất cũng cải thiện đáng kể, với PMI sản xuất tháng 2 tăng mạnh nhất kể từ năm 2020, cho thấy hoạt động công nghiệp phục hồi nhờ đơn hàng mới và nhu cầu toàn cầu. Điều này khiến xuất khẩu tiếp tục đóng vai trò trụ cột quan trọng của tăng trưởng, đặc biệt khi nhu cầu trong nước chưa phục hồi hoàn toàn. **3. Tiêu dùng yếu và bất động sản vẫn là điểm nghẽn cấu trúc.** Bất chấp xuất khẩu mạnh, cầu nội địa vẫn khá yếu, phần lớn do khủng hoảng bất động sản kéo dài làm giảm tài sản hộ gia đình và niềm tin tiêu dùng. Giá nhà tại nhiều khu vực đã giảm mạnh so với đỉnh năm 2021, ảnh hưởng đến chi tiêu và đầu tư của người dân. Ngoài ra, các yếu tố dài hạn như tỷ lệ sinh thấp, dân số già hóa và thất nghiệp thanh niên cao cũng làm suy giảm động lực tiêu dùng và thay đổi hành vi chi tiêu của thế hệ trẻ.

Xuất khẩu và sản xuất tiếp tục là động lực chính



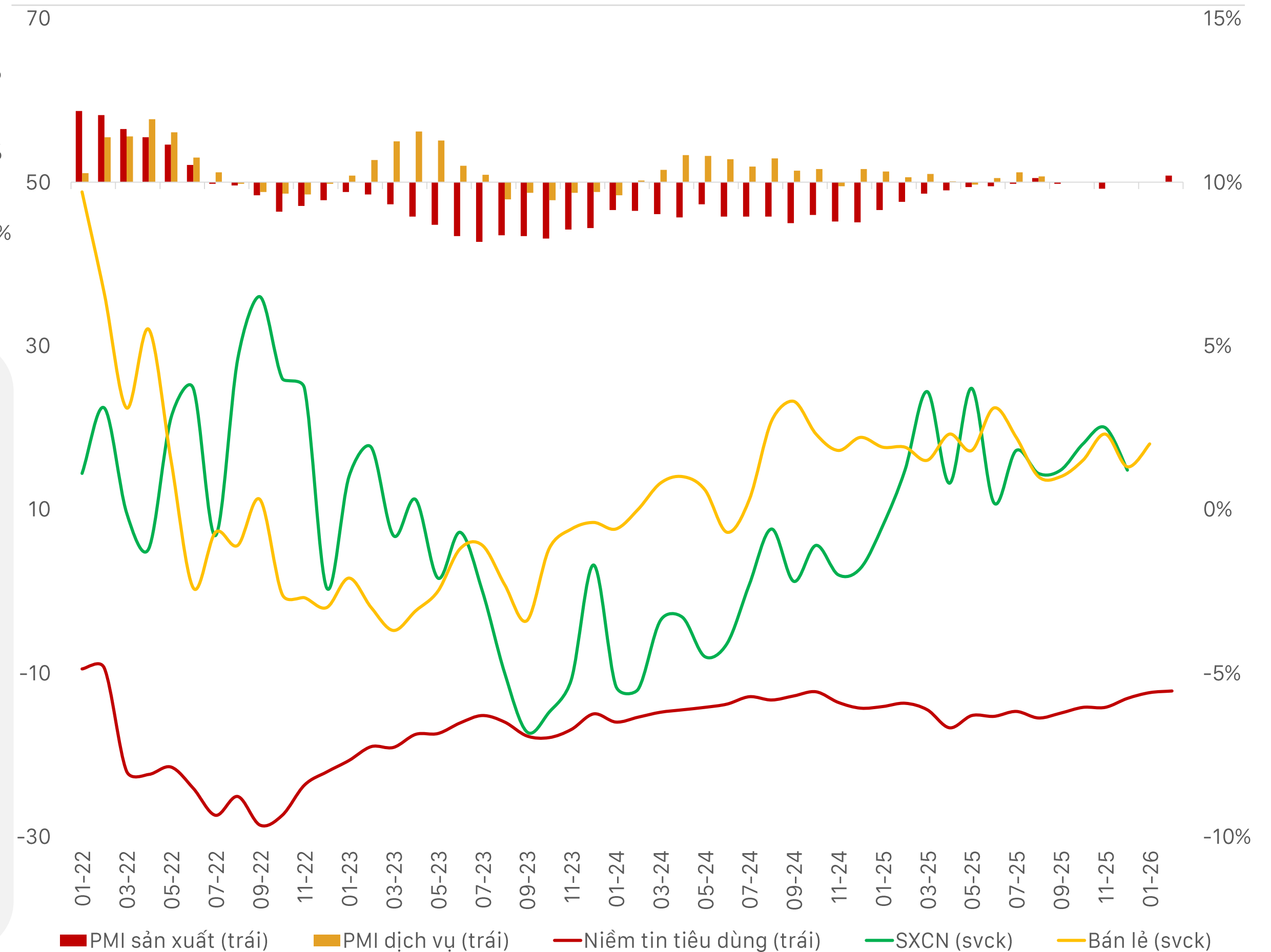
Kinh tế châu Âu thể hiện trạng thái “ổn định nhưng thiếu động lực bất phá”. Việc lạm phát giảm về gần mục tiêu đã giúp môi trường tài chính bớt căng thẳng và mở ra khả năng nới lỏng chính sách tiền tệ, nhưng điều này không đủ để nhanh chóng khôi phục tốc độ tăng trưởng cao. Những thách thức cấu trúc — bao gồm năng suất thấp, dân số già hóa và sự phụ thuộc lớn vào thương mại toàn cầu — tiếp tục hạn chế tiềm năng tăng trưởng của khu vực. Trong trung hạn, triển vọng của châu Âu phụ thuộc vào khả năng tăng đầu tư công nghệ, chuyển đổi năng lượng và củng cố thị trường nội khối để tạo ra nguồn tăng trưởng mới. Nếu các chính sách kích thích đầu tư và cải thiện năng suất được triển khai hiệu quả, khu vực có thể duy trì tăng trưởng ổn định quanh 1–1,5 % trong giai đoạn 2026–2027. Tuy nhiên, nếu cầu nội địa và đầu tư tư nhân không cải thiện đáng kể, châu Âu có nguy cơ tiếp tục rơi vào trạng thái tăng trưởng thấp kéo dài so với các trung tâm kinh tế lớn khác trên thế giới.

Tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức thấp nhưng ổn định



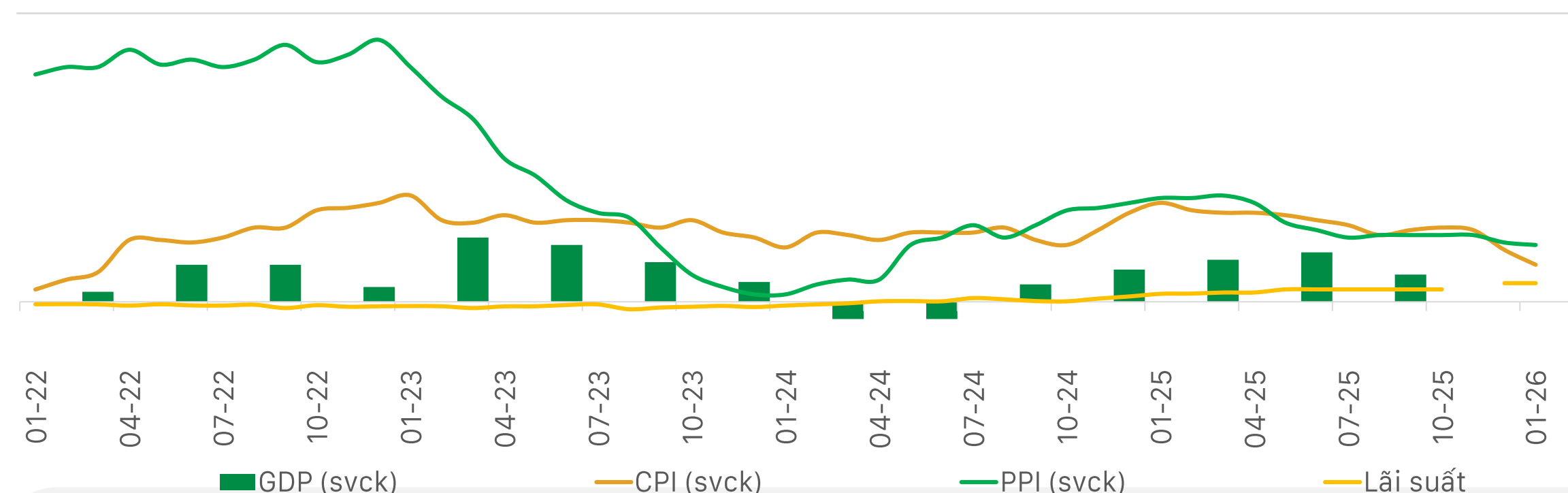
1. Tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức thấp nhưng ổn định. Các báo cáo kinh tế đầu năm 2026 cho thấy khu vực đồng euro duy trì tăng trưởng GDP khoảng 1,2–1,5 % trong năm 2026, phản ánh trạng thái phục hồi chậm sau giai đoạn thắt chặt tiền tệ kéo dài. Hoạt động sản xuất có dấu hiệu cải thiện nhẹ nhờ đơn hàng xuất khẩu tăng, trong khi dịch vụ vẫn là khu vực đóng góp lớn nhất cho tăng trưởng. Tuy nhiên, tốc độ mở rộng vẫn thấp so với Mỹ và nhiều nền kinh tế châu Á, cho thấy nền kinh tế châu Âu đang trong giai đoạn tăng trưởng thận trọng. **2. Lạm phát giảm rõ rệt, mở ra chu kỳ nới lỏng tiền tệ.** Lạm phát khu vực euro đã giảm đáng kể so với giai đoạn 2022–2023 và hiện dao động quanh 2 % hoặc thấp hơn, gần với mục tiêu của European Central Bank. Điều này tạo điều kiện để ngân hàng trung ương chuyển dần sang chính sách hỗ trợ tăng trưởng, với kỳ vọng thị trường rằng lãi suất có thể tiếp tục được điều chỉnh giảm trong năm 2026. Lạm phát giảm chủ yếu nhờ giá năng lượng ổn định hơn và chuỗi cung ứng toàn cầu bình thường hóa. **3. Nội lực kinh tế còn yếu và phân hóa giữa các quốc gia.** Dù môi trường lạm phát thuận lợi hơn, cầu nội địa của châu Âu vẫn khá yếu do niềm tin tiêu dùng thấp và tăng trưởng thu nhập chậm. Các nền kinh tế lớn như Germany và France đang phục hồi chậm, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng. Đồng thời, sự phân hóa trong nội khối tiếp tục rõ rệt khi một số nền kinh tế Nam Âu hưởng lợi từ du lịch và dịch vụ, trong khi khu vực công nghiệp ở Trung Âu vẫn đối mặt với nhu cầu toàn cầu yếu.

Nội lực kinh tế còn yếu và phân hóa giữa các quốc gia.



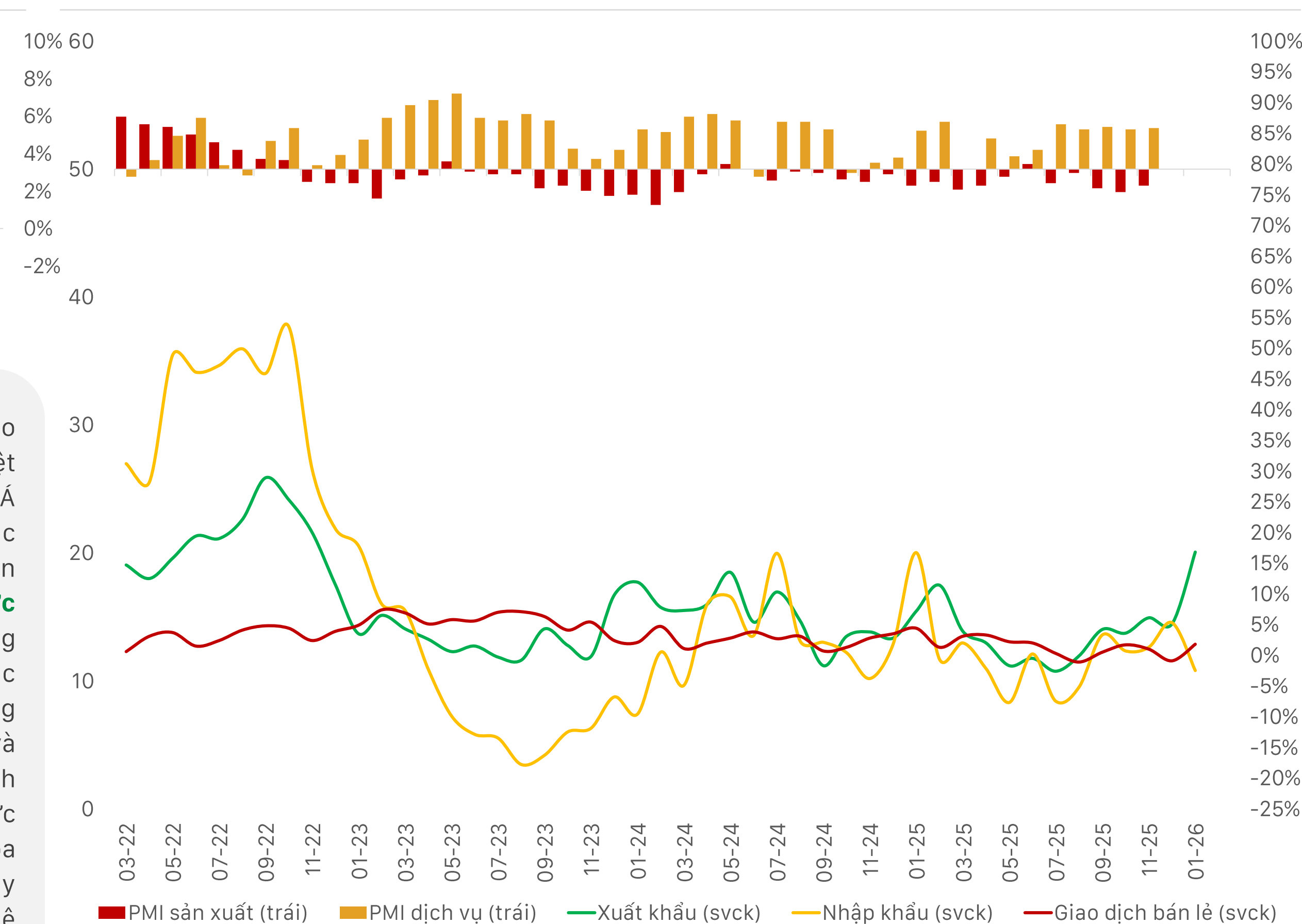
Nền kinh tế Nhật Bản cho thấy trạng thái phục hồi ổn định nhưng phụ thuộc vào các động lực bên ngoài. Sản xuất và xuất khẩu vẫn là trụ cột quan trọng của tăng trưởng, trong khi tiêu dùng nội địa và nhân khẩu học tiếp tục hạn chế tốc độ mở rộng của nền kinh tế. Quá trình bình thường hóa chính sách của Bank of Japan đánh dấu bước chuyển lớn sau nhiều năm duy trì lãi suất cực thấp, nhưng việc điều chỉnh sẽ diễn ra rất thận trọng để tránh gây sốc cho thị trường tài chính và doanh nghiệp. Trong trung hạn, triển vọng tăng trưởng của Nhật Bản phụ thuộc vào khả năng tăng năng suất thông qua công nghệ, tự động hóa và đầu tư vào các ngành chiến lược như bán dẫn, AI và năng lượng sạch. Nếu những chiến lược này được triển khai hiệu quả, nền kinh tế có thể duy trì tăng trưởng ổn định khoảng 1–1,5 % mỗi năm, đồng thời cải thiện sức cạnh tranh toàn cầu. Tuy nhiên, nếu tiêu dùng nội địa không được cải thiện và áp lực nhân khẩu học tiếp tục gia tăng, Nhật Bản có thể vẫn duy trì mô hình tăng trưởng thấp nhưng ổn định trong phần còn lại của thập kỷ.

Lạm phát ổn định quanh mục tiêu và chính sách tiền tệ bước vào giai đoạn bình thường hóa



1. Sản xuất và xuất khẩu tiếp tục là động lực tăng trưởng chính. Những báo cáo kinh tế gần đây cho thấy sản xuất công nghiệp và xuất khẩu của Japan tiếp tục phục hồi trong đầu năm 2026, đặc biệt trong các ngành công nghệ cao như bán dẫn, thiết bị điện tử và ô tô. Nhu cầu từ các thị trường châu Á và Mỹ giúp đơn hàng mới tăng, qua đó hỗ trợ tăng trưởng GDP trong bối cảnh tiêu dùng nội địa phục hồi chậm. Các chỉ số PMI sản xuất duy trì trên ngưỡng mở rộng, cho thấy khu vực công nghiệp vẫn đóng vai trò trụ cột của nền kinh tế. **2. Lạm phát ổn định quanh mục tiêu và chính sách tiền tệ bước vào giai đoạn bình thường hóa.** Lạm phát tại Nhật Bản duy trì gần mức 2 %, phản ánh sự cân bằng giữa chi phí nhập khẩu giảm và giá dịch vụ trong nước tăng. Trong bối cảnh đó, Bank of Japan tiếp tục quá trình rút dần các chính sách tiền tệ siêu nới lỏng đã kéo dài nhiều năm. Tuy nhiên, ngân hàng trung ương vẫn thận trọng trong việc tăng lãi suất mạnh để tránh làm suy yếu đà phục hồi kinh tế và tiêu dùng. **3. Thách thức dài hạn từ tiêu dùng yếu và nhân khẩu học.** Mặc dù nền kinh tế ổn định hơn so với giai đoạn trước, cầu nội địa tại Nhật Bản vẫn tương đối yếu do tăng trưởng tiền lương thực tế chưa đủ mạnh và tâm lý tiết kiệm của hộ gia đình. Ngoài ra, các yếu tố cấu trúc như dân số già hóa nhanh và lực lượng lao động thu hẹp tiếp tục gây áp lực lên tiềm năng tăng trưởng dài hạn. Điều này khiến chính phủ tập trung vào các chính sách thúc đẩy năng suất, chuyển đổi số và đầu tư công nghệ cao.

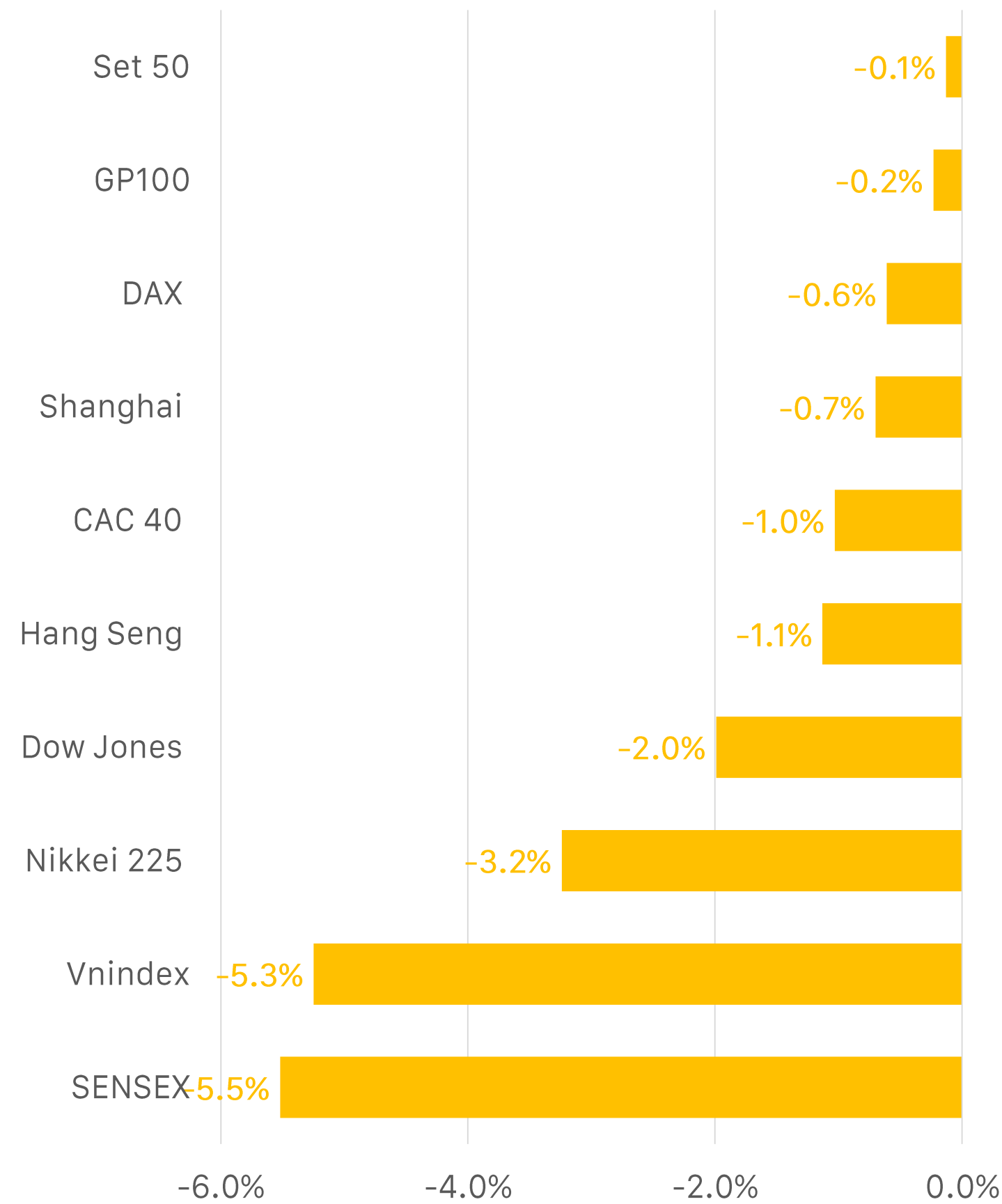
Sản xuất và xuất khẩu tiếp tục là động lực tăng trưởng chính



Chỉ số	Đóng cửa	1 Tuần	1 Tháng	Từ đầu năm	1 Năm
Gold	5,022.11	-2.7%	0.6%	16.3%	68.3%
WTI/USD	98.71	8.6%	58.4%	71.9%	46.9%
Bitcoin	70,830	5.3%	3.0%	-19.1%	-16.0%
Dow Jones	46,558	-2.0%	-6.0%	-3.1%	12.2%
S&P 500	6,632	-1.6%	-3.1%	-3.1%	17.6%
Nasdaq	24,381	-1.1%	-1.3%	-3.4%	23.7%
GP100	10,261	-0.2%	-2.0%	3.3%	18.9%
DAX	23,447	-0.6%	-5.5%	-4.3%	2.0%
CAC 40	7,912	-1.0%	-4.9%	-2.9%	-1.5%
Euro Stoxx 50	5,718	0.0%	-4.4%	-1.3%	5.8%
Nikkei 225	53,820	-3.2%	-5.3%	6.9%	45.3%
Shanghai	4,095	-0.7%	-0.5%	3.2%	19.8%
Hang Seng	25,466	-1.1%	-4.6%	-0.6%	6.3%
Vnindex	1,714	-5.3%	-6.1%	-4.0%	29.2%
VND/USD	26,270	0.2%	1.2%	-0.1%	3.1%
DXY	100.36	1.4%	3.6%	2.1%	-3.2%

- Tuần giao dịch 9–13/3 ghi nhận sự điều chỉnh trên nhiều thị trường tài chính toàn cầu khi tâm lý nhà đầu tư trở nên thận trọng trước rủi ro lạm phát quay trở lại và biến động của giá năng lượng. Các thị trường cổ phiếu lớn nhìn chung suy yếu, trong khi dòng tiền có xu hướng dịch chuyển giữa các nhóm tài sản như hàng hóa, tiền số và tiền tệ.
- Tại Mỹ, các chỉ số chứng khoán chủ chốt đều giảm điểm trong tuần. Dow Jones giảm khoảng 2% xuống quanh 46.558 điểm. Áp lực bán tập trung nhiều ở nhóm công nghệ khi lợi suất trái phiếu Mỹ nhích lên và thị trường bắt đầu điều chỉnh lại kỳ vọng về tốc độ nới lỏng chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed). Bên cạnh đó, việc giá dầu tăng mạnh trong thời gian gần đây làm dấy lên lo ngại về lạm phát năng lượng, khiến khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư suy giảm. Tuy vậy, mức điều chỉnh của thị trường Mỹ vẫn được xem là tương đối kiểm soát sau giai đoạn tăng mạnh trước đó.
- Diễn biến tại các thị trường quốc tế cũng mang tính đồng pha nhưng mức độ khác nhau. Tại châu Âu, chỉ số FTSE 100 của Anh chỉ giảm nhẹ khoảng 0,2%, trong khi CAC 40 của Pháp giảm khoảng 1% và DAX của Đức giảm khoảng 0,6%. Chỉ số Euro Stoxx 50 gần như đi ngang. Điều này cho thấy thị trường châu Âu đang có xu hướng phòng thủ hơn, với dòng tiền vẫn duy trì trong các cổ phiếu lớn nhưng không còn động lực tăng mạnh.
- Tại châu Á, mức biến động có phần rõ rệt hơn. Nikkei 225 giảm khoảng 3,2% trong tuần, phản ánh áp lực chốt lời sau giai đoạn tăng rất mạnh trước đó. Thị trường Trung Quốc với Shanghai Composite chỉ giảm khoảng 0,7%, trong khi Hang Seng Index giảm khoảng 1,1%. Nhìn chung, khu vực châu Á chịu tác động từ biến động của giá năng lượng và sự thận trọng của dòng vốn quốc tế.

Index Global trong tuần



- So với các thị trường lớn, thị trường Việt Nam có diễn biến tương đối tiêu cực trong tuần. VN-Index giảm khoảng 5% xuống quanh 1.714 điểm, mức giảm mạnh hơn đáng kể so với phần lớn các thị trường quốc tế. Điều này phản ánh áp lực chốt lời sau nhịp tăng trước đó cũng như tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trong nước khi các yếu tố bên ngoài trở nên kém thuận lợi. Tuy nhiên, xét trên khung dài hơn từ đầu năm, nhiều thị trường vẫn duy trì mức tăng, cho thấy xu hướng tăng trung hạn chưa bị phá vỡ hoàn toàn.
- Ở nhóm tài sản thay thế, thị trường tiền mã hóa có diễn biến tích cực hơn so với chứng khoán. Bitcoin tăng khoảng 5,3% trong tuần và giao dịch quanh vùng 70.800 USD. Sự phục hồi này chủ yếu đến từ dòng tiền đầu cơ quay trở lại sau giai đoạn điều chỉnh mạnh trước đó. Tuy nhiên, nếu nhìn theo khung dài hơn từ đầu năm, Bitcoin vẫn đang giảm gần 19%, cho thấy biến động của thị trường tiền số vẫn rất lớn và phụ thuộc mạnh vào khẩu vị rủi ro toàn cầu.
- Trong khi đó, vàng lại có diễn biến trái chiều. Gold giảm khoảng 2,7% trong tuần dù vẫn tăng khoảng 16% từ đầu năm. Sự điều chỉnh này chủ yếu mang tính kỹ thuật sau giai đoạn tăng mạnh kéo dài. Ngoài ra, đồng USD mạnh lên – thể hiện qua US Dollar Index tăng khoảng 1,4% trong tuần – cũng tạo áp lực lên giá vàng khi chi phí nắm giữ kim loại quý trở nên đắt hơn đối với nhà đầu tư quốc tế.
- Nhìn tổng thể, tuần qua cho thấy bức tranh thị trường tài chính toàn cầu đang bước vào giai đoạn điều chỉnh và tái cân bằng. Chứng khoán Mỹ và nhiều thị trường quốc tế giảm nhẹ, trong khi dòng tiền phân hóa sang các tài sản khác như tiền số và hàng hóa. Việt Nam chịu áp lực điều chỉnh mạnh hơn trong ngắn hạn, nhưng xu hướng dài hạn vẫn phụ thuộc nhiều vào diễn biến của dòng vốn quốc tế, chính sách tiền tệ toàn cầu và biến động của giá năng lượng trong thời gian tới.

ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



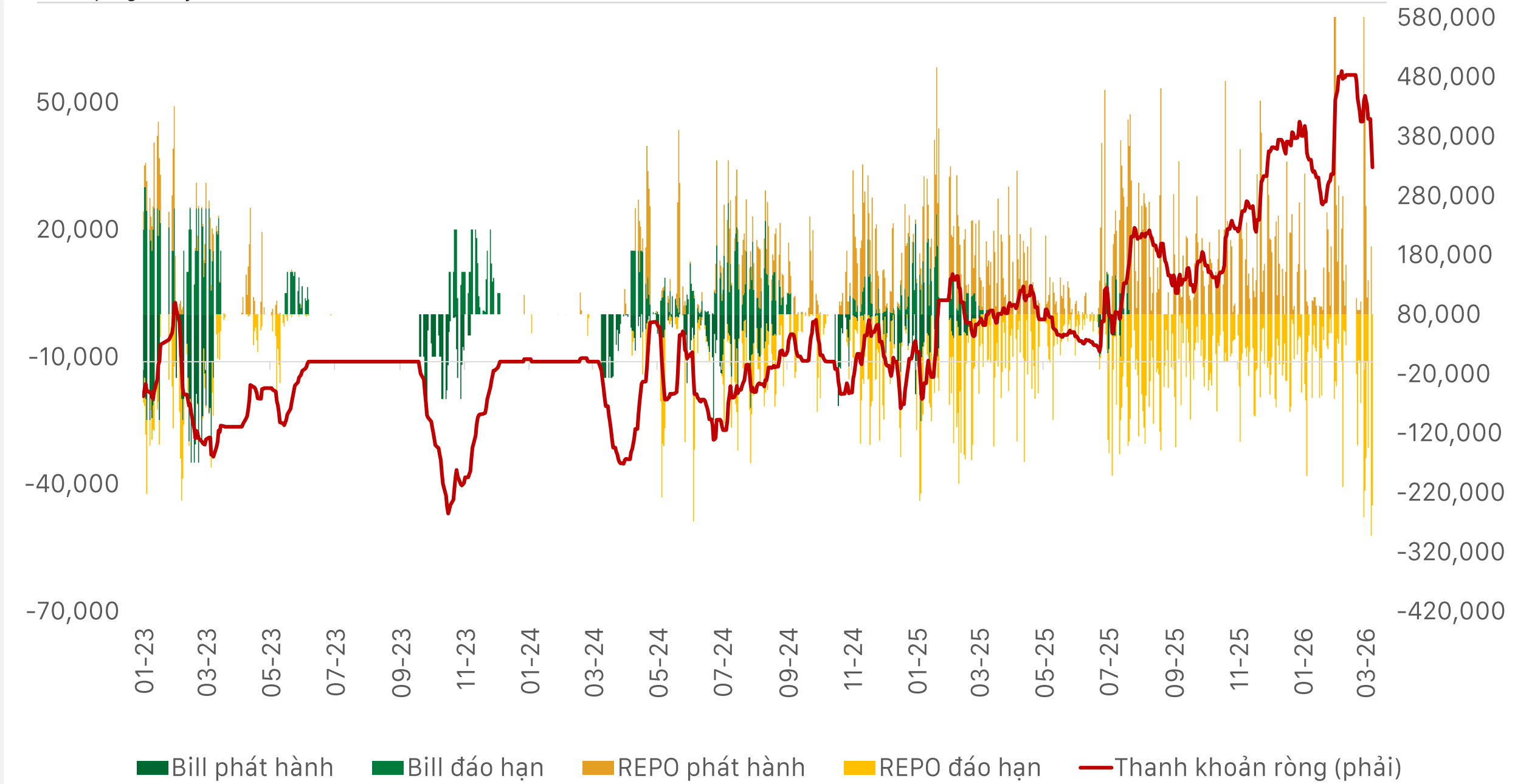
NHNN duy trì bơm thanh khoản – ưu tiên ổn định lãi suất. Trong bối cảnh thanh khoản hệ thống tiếp tục được hỗ trợ, NHNN tiếp tục điều tiết thị trường tiền tệ thông qua nghiệp vụ thị trường mở nhằm giữ mặt bằng lãi suất liên ngân hàng ở mức thấp. Việc bơm ròng OMO trong nhiều thời điểm cho thấy định hướng của cơ quan điều hành là duy trì điều kiện tiền tệ thuận lợi để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, đồng thời hạn chế biến động quá lớn của lãi suất trong hệ thống. Tuy nhiên, việc duy trì thanh khoản dồi dào cũng cần được cân nhắc trong bối cảnh áp lực tỷ giá vẫn tiềm ẩn. Do đó, NHNN nhiều khả năng sẽ tiếp tục áp dụng chiến lược điều hành linh hoạt, kết hợp giữa điều tiết thanh khoản và can thiệp ngoại hối khi cần thiết nhằm đảm bảo ổn định thị trường tiền tệ. **DXY hạ nhiệt – áp lực tỷ giá tạm thời suy giảm.** Chỉ số DXY đã giảm từ vùng đỉnh trước đó và hiện dao động quanh vùng thấp hơn do thị trường điều chỉnh kỳ vọng về chính sách tiền tệ của Fed. Dữ liệu kinh tế Mỹ gần đây cho thấy tăng trưởng và thị trường lao động có dấu hiệu chậm lại, làm gia tăng kỳ vọng về khả năng Fed cắt giảm lãi suất trong thời gian tới. Đối với Việt Nam, tỷ giá USD/VND sau giai đoạn tăng mạnh đã có xu hướng ổn định trở lại. Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá duy trì quanh vùng cao nhưng biến động thu hẹp, trong khi chênh lệch giữa thị trường ngân hàng và thị trường tự do không quá lớn. Điều này phản ánh cung – cầu ngoại tệ nhìn chung vẫn tương đối cân bằng nhờ nguồn cung ngoại tệ từ xuất khẩu, FDI và kiều hối tiếp tục duy trì tích cực. **Rủi ro từ giá dầu và yếu tố địa chính trị vẫn cần theo dõi.** Trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông. Giá dầu tăng mạnh có thể làm gia tăng chi phí nhập khẩu năng lượng và gây áp lực lên lạm phát trong nước, đồng thời ảnh hưởng đến cán cân thương mại và kỳ vọng tỷ giá. Trong trường hợp giá dầu duy trì ở mức cao trong thời gian dài, áp lực lên USD/VND có thể quay trở lại do nhu cầu ngoại tệ cho nhập khẩu năng lượng tăng lên. Vì vậy, diễn biến của thị trường năng lượng toàn cầu sẽ là một biến số quan trọng cần theo dõi trong thời gian tới.

DXY hạ nhiệt từ đỉnh

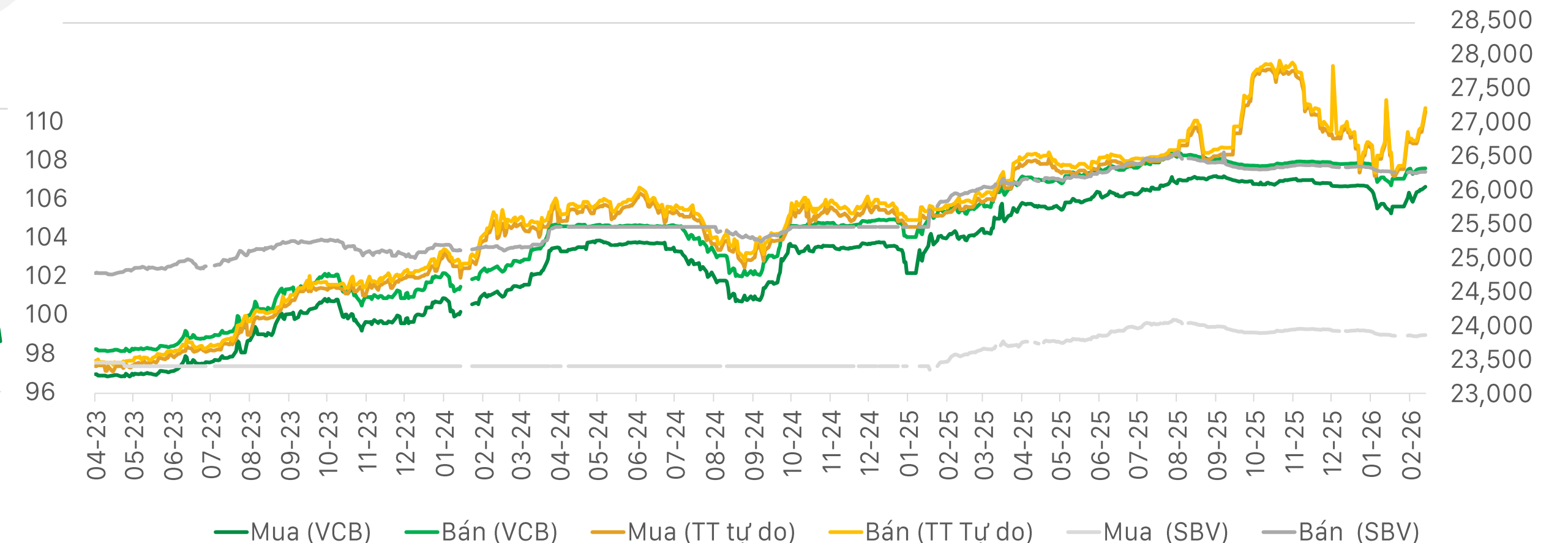


NHNN duy trì kiểm soát điều hành thanh khoản nhằm hỗ trợ lãi suất

Đơn vị: Nghìn Tỷ VND



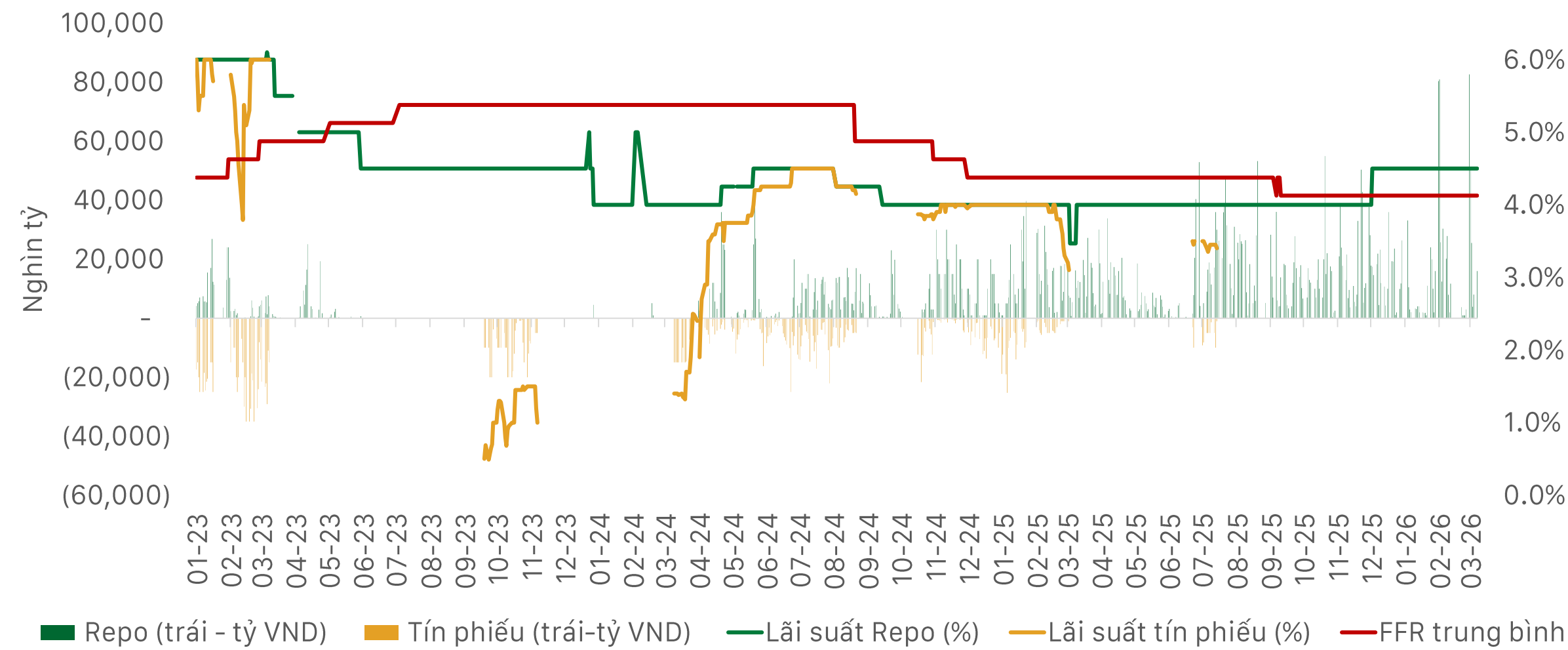
USD/VND giảm bớt áp lực. Đơn vị: VND/USD



LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG BIẾN ĐỘNG MẠNH – NHNN TÍCH CỰC KIỂM SOÁT QUA THỊ TRƯỜNG MỞ

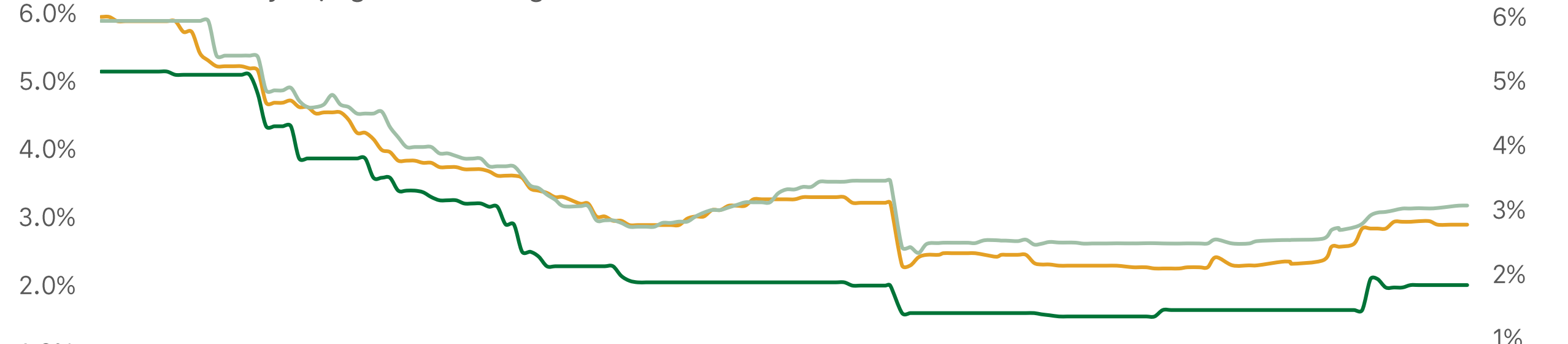


NHNN tiếp tục bơm thanh khoản bằng công cụ REPO

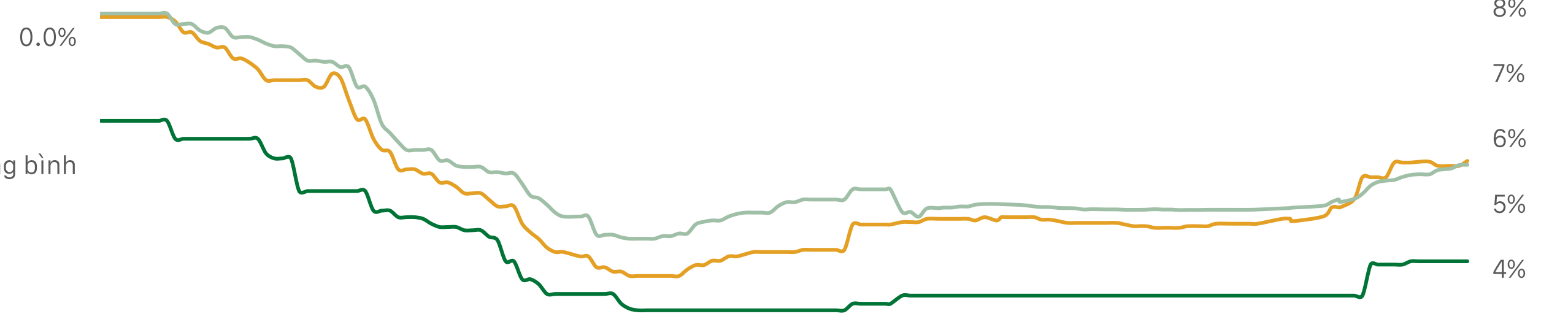


Mặt bằng lãi suất huy động có tăng nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức thấp.

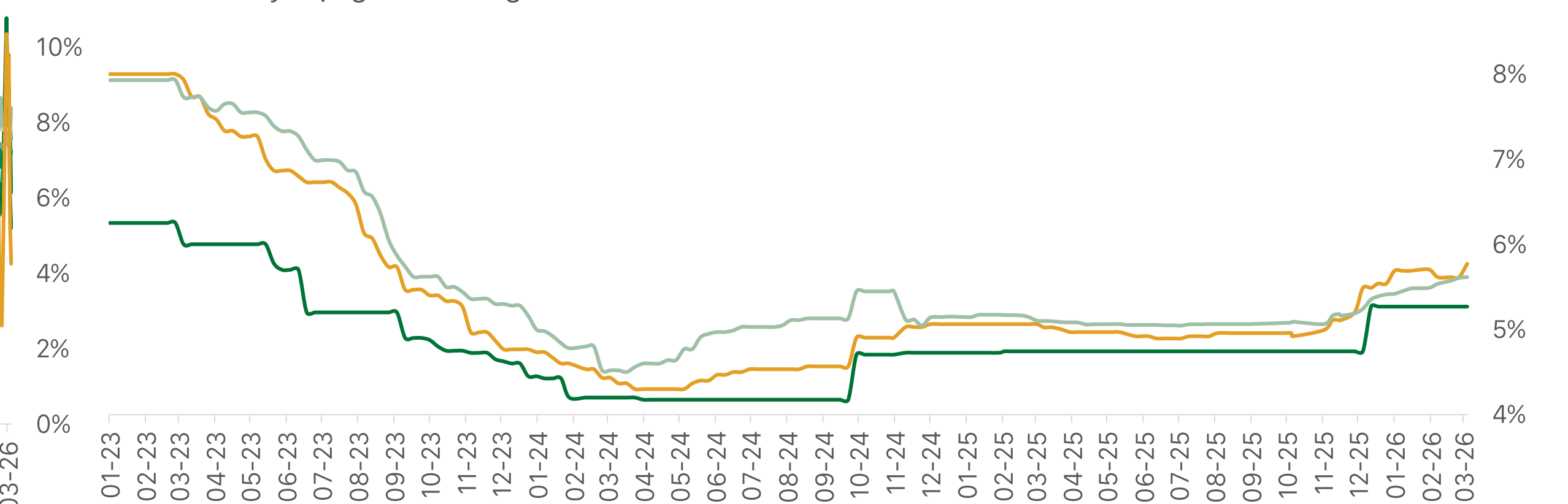
Lãi Suất Huy Động <3 - 6 tháng



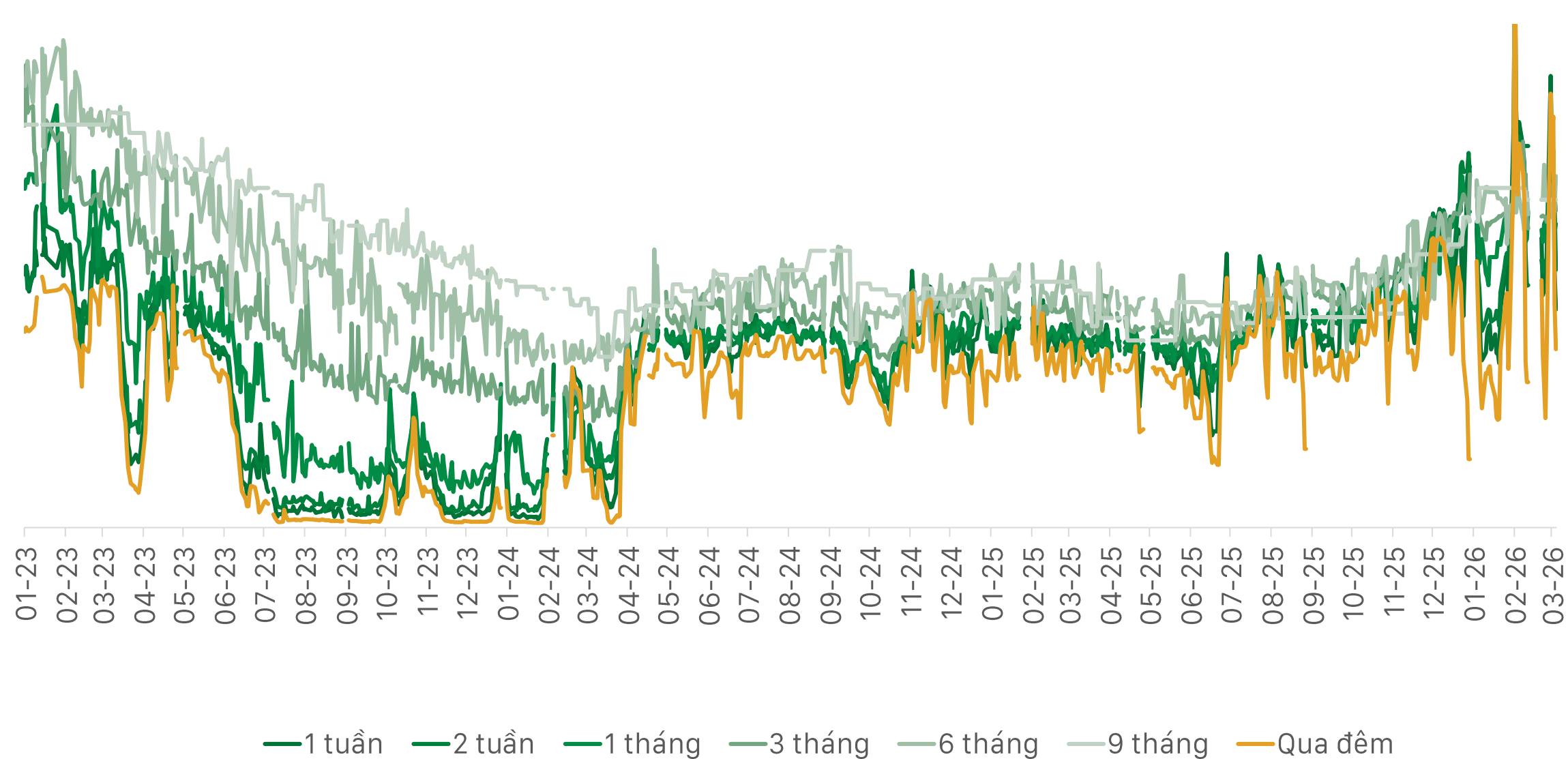
Lãi Suất Huy Động 6 - 9 tháng



Lãi Suất Huy Động > 12 tháng



Lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh nhưng đã được kiểm soát



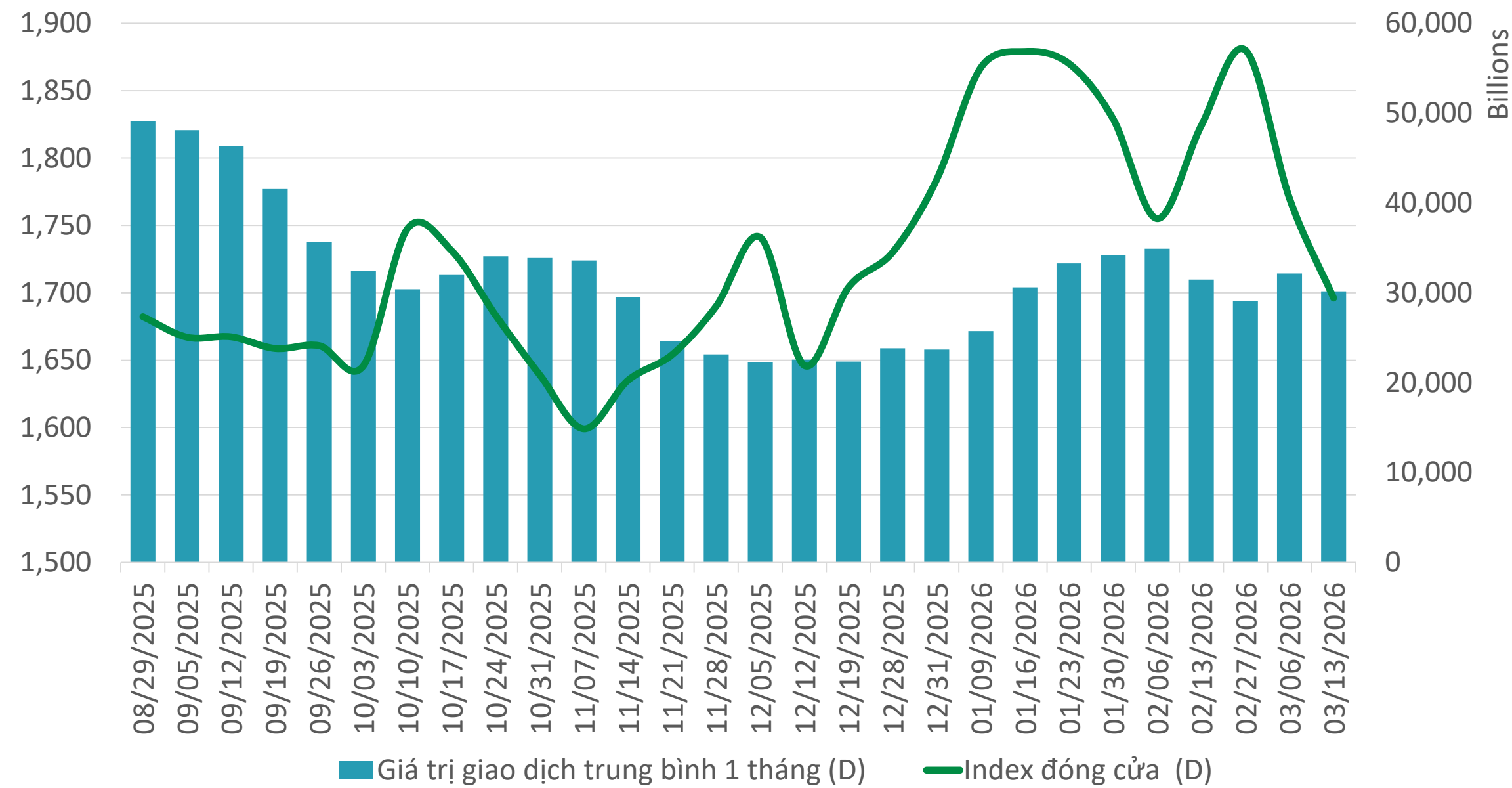
— Nhóm NHTMNN

— Nhóm NHTMCP lớn

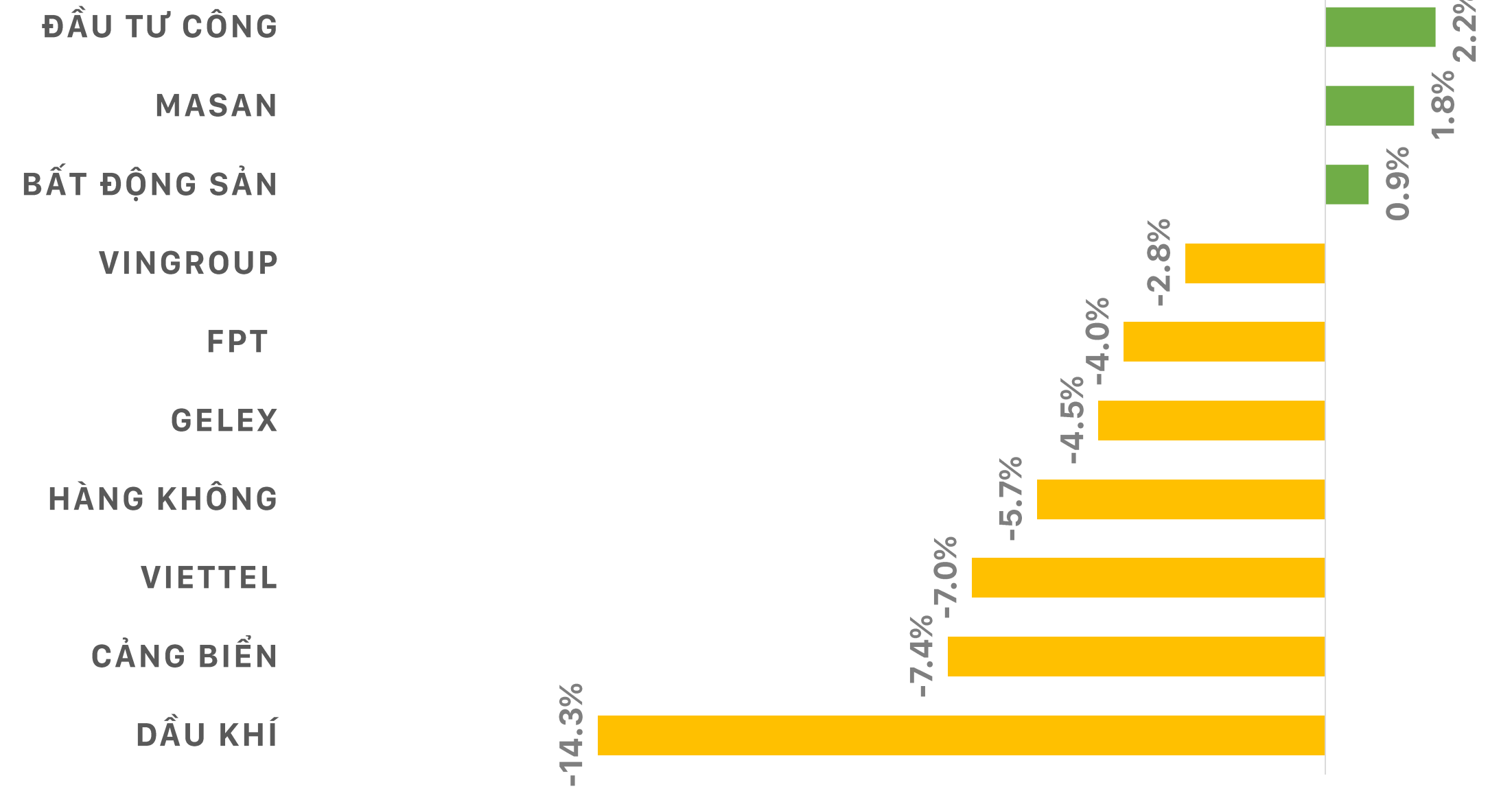
— Nhóm NHTMCP khác

— 1 tuần — 2 tuần — 1 tháng — 3 tháng — 6 tháng — 9 tháng — Qua đêm

VN-Index và thanh khoản



Biến động các nhóm CP theo tuần

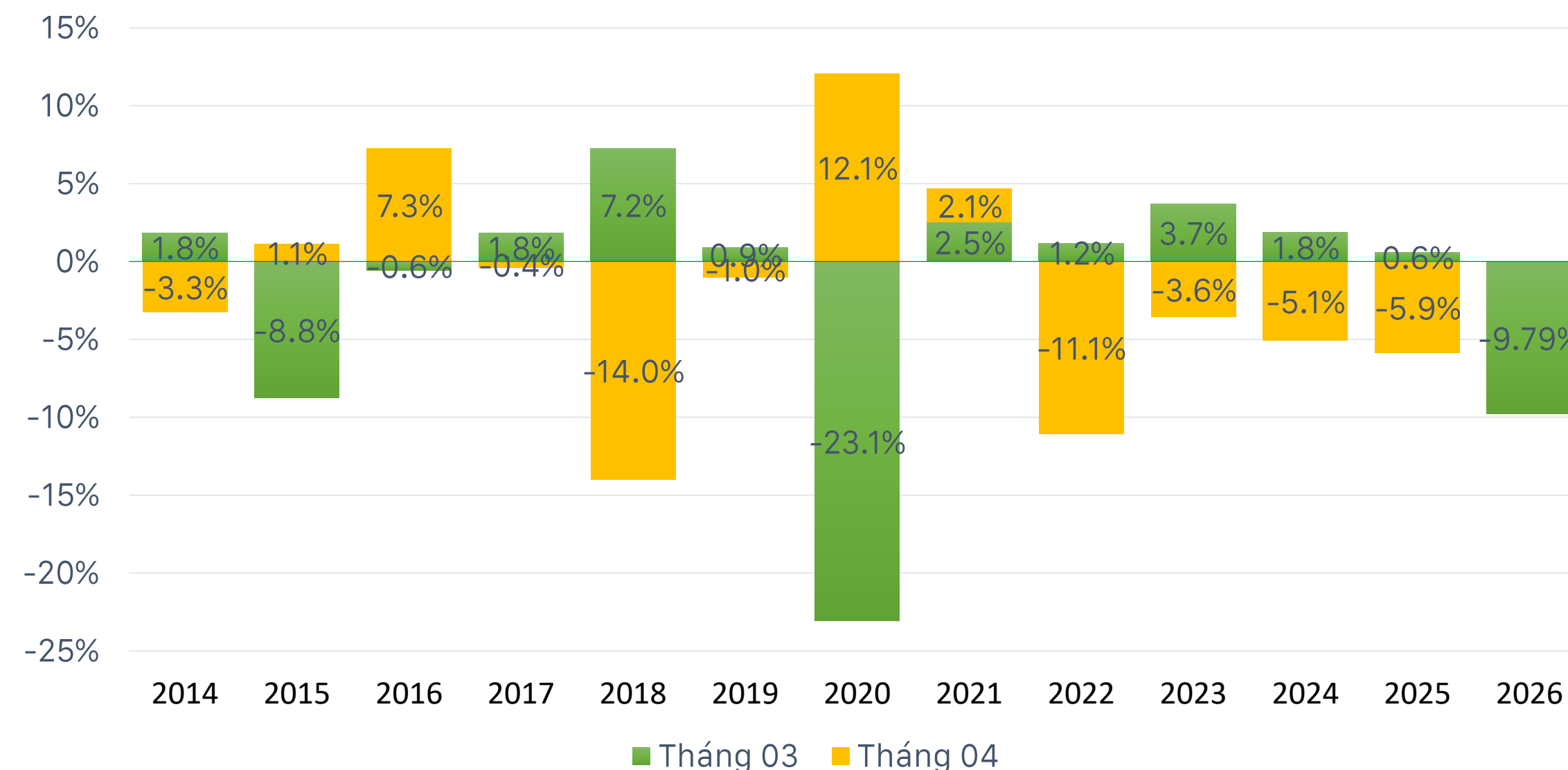


- Tuần giao dịch từ 9-13/3, trước bối cảnh thị trường quốc tế chuyển biến xấu hơn, thị trường Việt Nam đã có phiên giảm rất mạnh từ phiên đầu tuần hơn -6% và các phiên sau dù đã phục hồi phần nào nhưng vẫn không đủ sức lấp đầy khoảng trống đoạn gập rất dài trước đó. Điểm tích cực duy nhất là đáy sâu nhất tại 1650 vẫn đang giữ vững và dòng tiền vẫn đang vận động tích cực.
- Sau giai đoạn bức phá mạnh trước đó, các cổ phiếu nhóm dầu khí có sự biến động mạnh trong tuần qua khi hàng loạt cổ phiếu bị áp lực chốt lời mạnh mẽ ở PVS, GAS, PLX. Ngay ở cổ phiếu mạnh nhất là BSR cũng quay đầu giảm mạnh ở các phiên cuối tuần. Các nhóm cổ phiếu cảng biển cũng ghi nhận mức điều chỉnh trung bình hơn -7% cùng với nhóm Viettel, Hàng Không.
- Điểm nổi bật ghi nhận là dòng tiền trong 2 phiên cuối tuần chuyển sang nhóm cổ phiếu đầu tư công và BĐS với hàng loạt cổ phiếu tăng mạnh như NVL, HDG, KDH. Dù vậy sự thận trọng đối với nhóm BĐS còn rất lớn.

PE thị trường hiện quanh 14 thấp hơn giai đoạn 2022



Diễn biến Vnindex qua các tháng 01,02 từ 2014

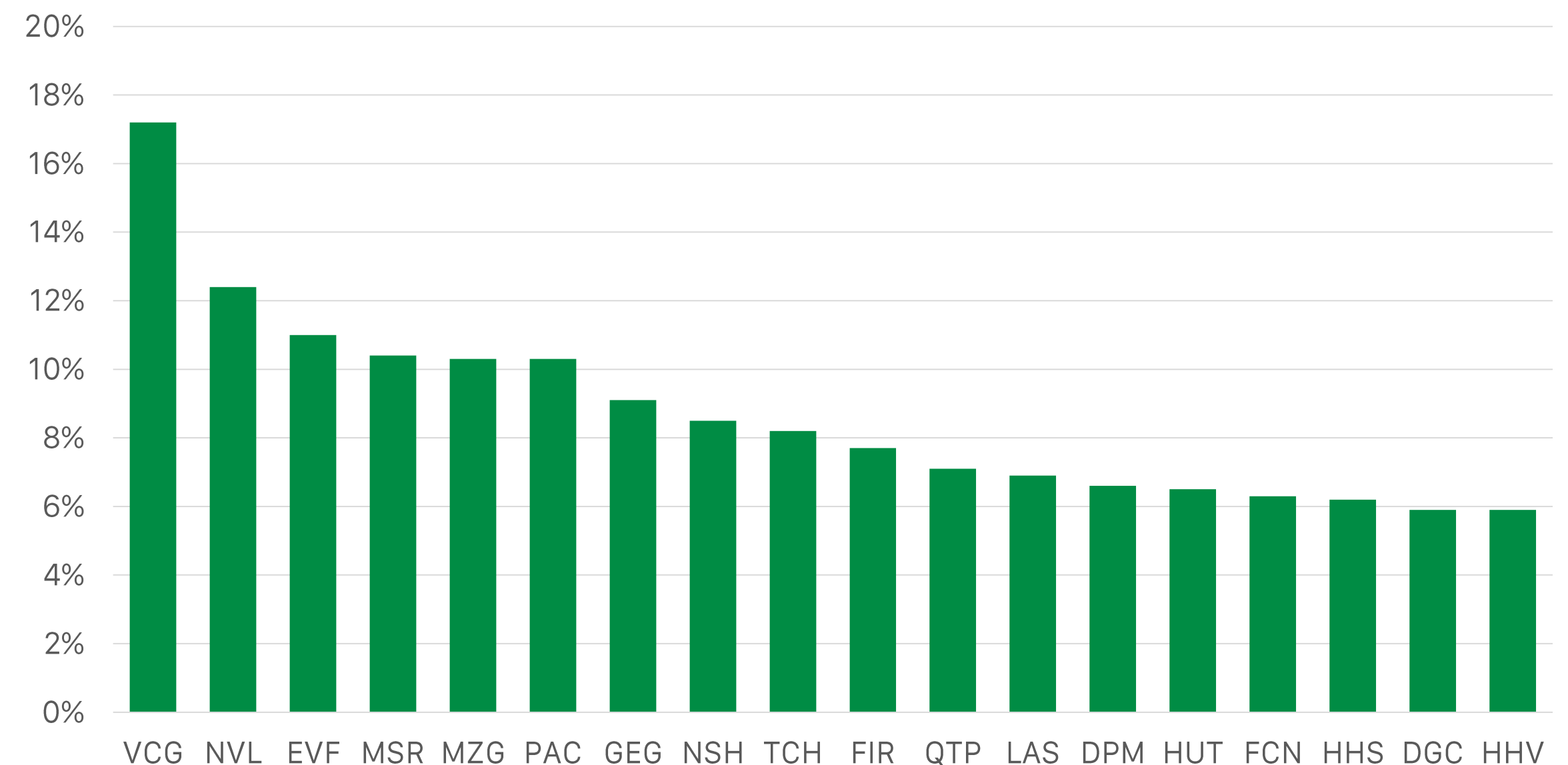


- Với tuần lễ biến động mạnh trong tuần vừa qua, chỉ số PE thị trường cũng biến động mạnh và rơi về dưới 14 khi hàng loạt cổ phiếu lớn giảm từ 5%-15% trong tuần. Trong nhóm Bigcap hiện tại còn một số cổ phiếu đặc biệt có PE cao trên 50 như VIC, VPL hay VJC khoảng 44. Còn lại PE trung bình của nhóm vốn hóa lớn gần xấp xỉ quanh 15 – tương đồng PE chung cả thị trường. Đặc biệt nhóm ngân hàng có PE chỉ khoảng 10.
- Về chu kỳ dòng tiền, hàng năm tháng 3 thường là tháng có mức tăng trưởng tương đối chậm và thường là giai đoạn kết thúc của chu kỳ tăng của quý I. Năm nay với biến động chính trị quốc tế đã gây ảnh hưởng diện rộng và Việt Nam cũng bị tác động đáng kể. Điều đó dẫn đến thị trường Việt Nam bị tổn thương nặng hơn dẫn đến mức giảm lên đến gần 10% trong tháng 3. Đây là tháng giảm mạnh nhất kể từ năm 2020 là giai đoạn chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch Covid trong khi đợt khủng hoảng trước đó năm 2015 có mức giảm gần -9%.

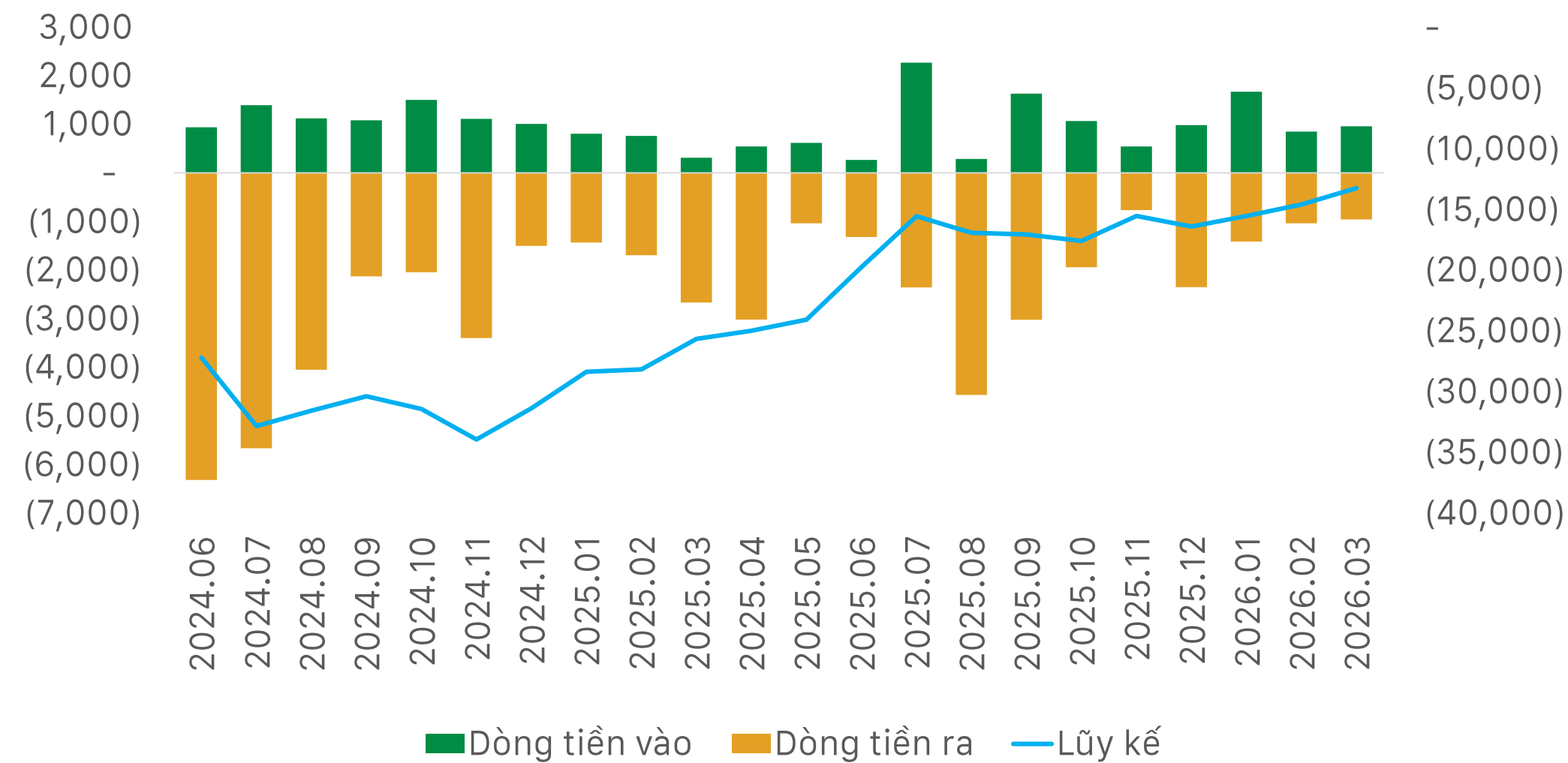
Chỉ số / Ngành	Index	P/E	% 1 tuần	% 1 tháng
VNINDEX	1,696.24	13.70	-4.1%	-7.0%
Ngân hàng	734.90	9.17	-3.2%	-8.1%
Dịch vụ tài chính	936.04	13.74	-5.5%	-5.7%
Bất động sản	1,017.73	18.46	-3.5%	-8.0%
Hóa chất	328.09	17.50	-3.8%	4.1%
Tài nguyên Cơ bản	528.59	17.09	0.4%	4.3%
Ô tô và phụ tùng	377.54	7.01	4.4%	1.7%
Bán lẻ	1,594.99	17.08	-1.0%	-10.4%
Hàng cá nhân & Gia dụng	182.78	10.76	-0.1%	-1.4%
Viễn thông	1,098.46	23.96	-10.4%	-18.0%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	7,523.24	14.24	-9.3%	-3.1%
Dầu khí	170.58	25.10	-10.2%	22.5%
Thực phẩm và đồ uống	739.43	16.93	-7.7%	-24.0%
Xây dựng và Vật liệu	358.83	9.46	0.5%	-2.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	299.99	13.85	-7.1%	-10.9%
Y tế	1,089.23	17.13	-0.2%	-1.3%
Công nghệ Thông tin	657.95	13.99	-5.3%	-18.7%
Truyền thông	617.95	39.62	-0.6%	-5.5%
Bảo hiểm	433.13	14.75	-4.5%	-5.1%
Du lịch và Giải trí	41.62	24.58	-0.1%	-9.2%

- Trong tuần 9-13/3 chỉ số Vnindex có tuần giảm mạnh thứ hai -4% và như vậy sau 2 tuần thị trường đã mất hơn -10%.
- Hai nhóm ngành lớn Ngân hàng, chứng khoán có mức giảm lần lượt -3% và -5% trong đó một số nhóm cổ phiếu giảm sâu như VDS, VND, CTS. Nhóm dầu khí viễn thông có mức rơi rất mạnh hơn -10% chủ yếu do áp lực chốt lời và sự kỳ vọng giảm sút.
- Các cổ phiếu tăng nổi bật nhất trong tuần hầu hết là đến từ nhóm đầu tư công, bất động sản như VCG, NVL, MSR, GEG, TCH, FCN.

Cổ phiếu tăng tốt nhất trong tuần



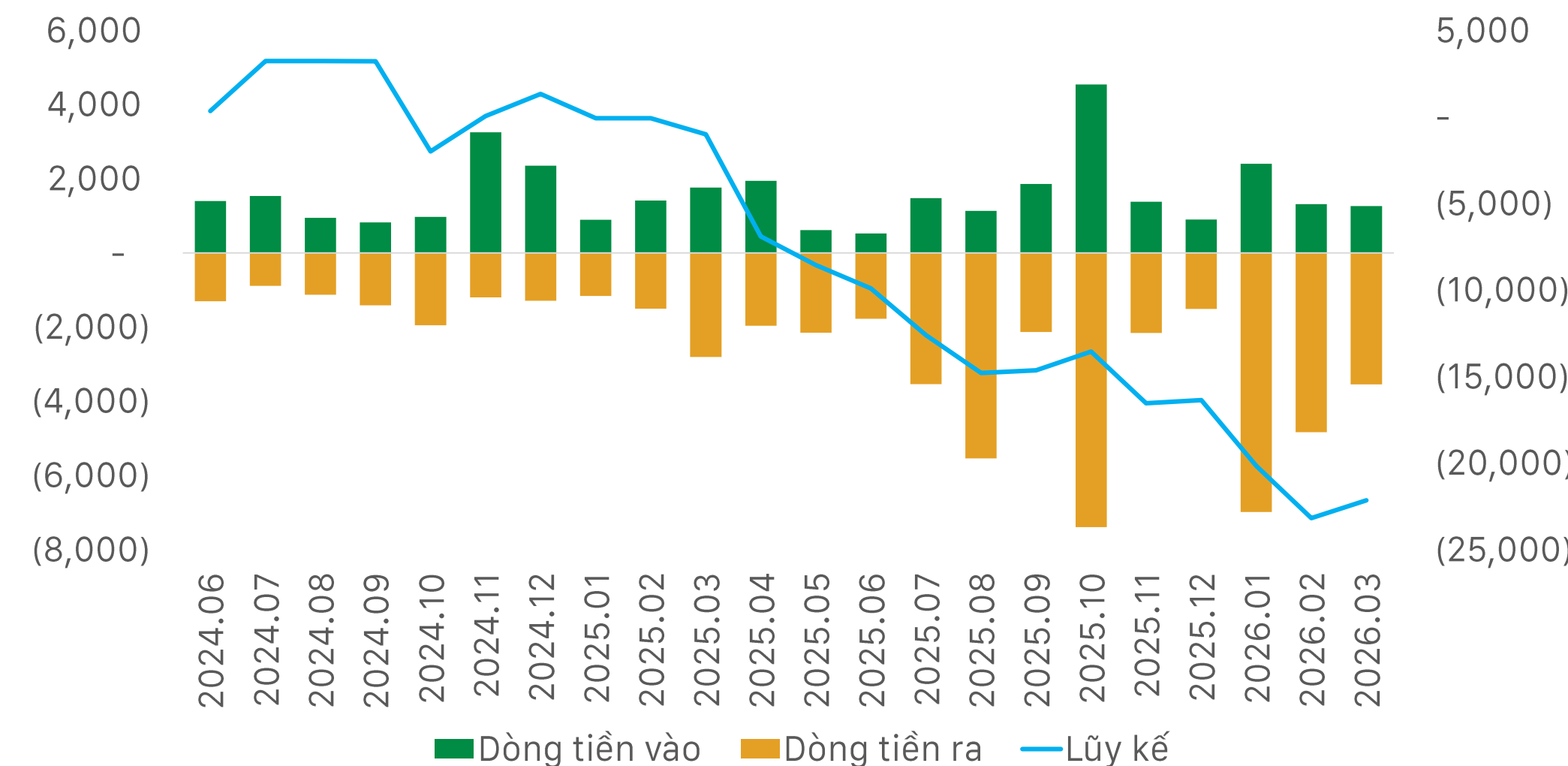
Dòng tiền của quỹ ETF vào VN (tỷ VND)



Dòng vốn toàn cầu bình tĩnh trước căng thẳng Mỹ – Iran

- Một tháng sau khi Mỹ tấn công các cơ sở hạt nhân của Iran, phản ứng của thị trường tài chính toàn cầu cho thấy nhà đầu tư không quá hoảng loạn trước rủi ro địa chính trị. Dòng vốn trong tuần Mỹ phát động tấn công cũng cho thấy tâm lý thận trọng nhưng không cực đoan. Các quỹ tiền tệ ghi nhận dòng tiền vào ở mức vừa phải, trong khi các quỹ vàng vật chất lại bị rút vốn.
- Ở góc nhìn phân bổ ngành, phản ứng truyền thống trước khủng hoảng Trung Đông vẫn xuất hiện. Nhà đầu tư tiếp tục duy trì chiến lược đa dạng hóa khi các quỹ cổ phiếu và trái phiếu toàn cầu cũng như thị trường mới nổi thu hút tổng cộng hơn 18 tỷ USD, đồng thời khoảng 1,5 tỷ USD chảy vào các quỹ hàng không – quốc phòng.

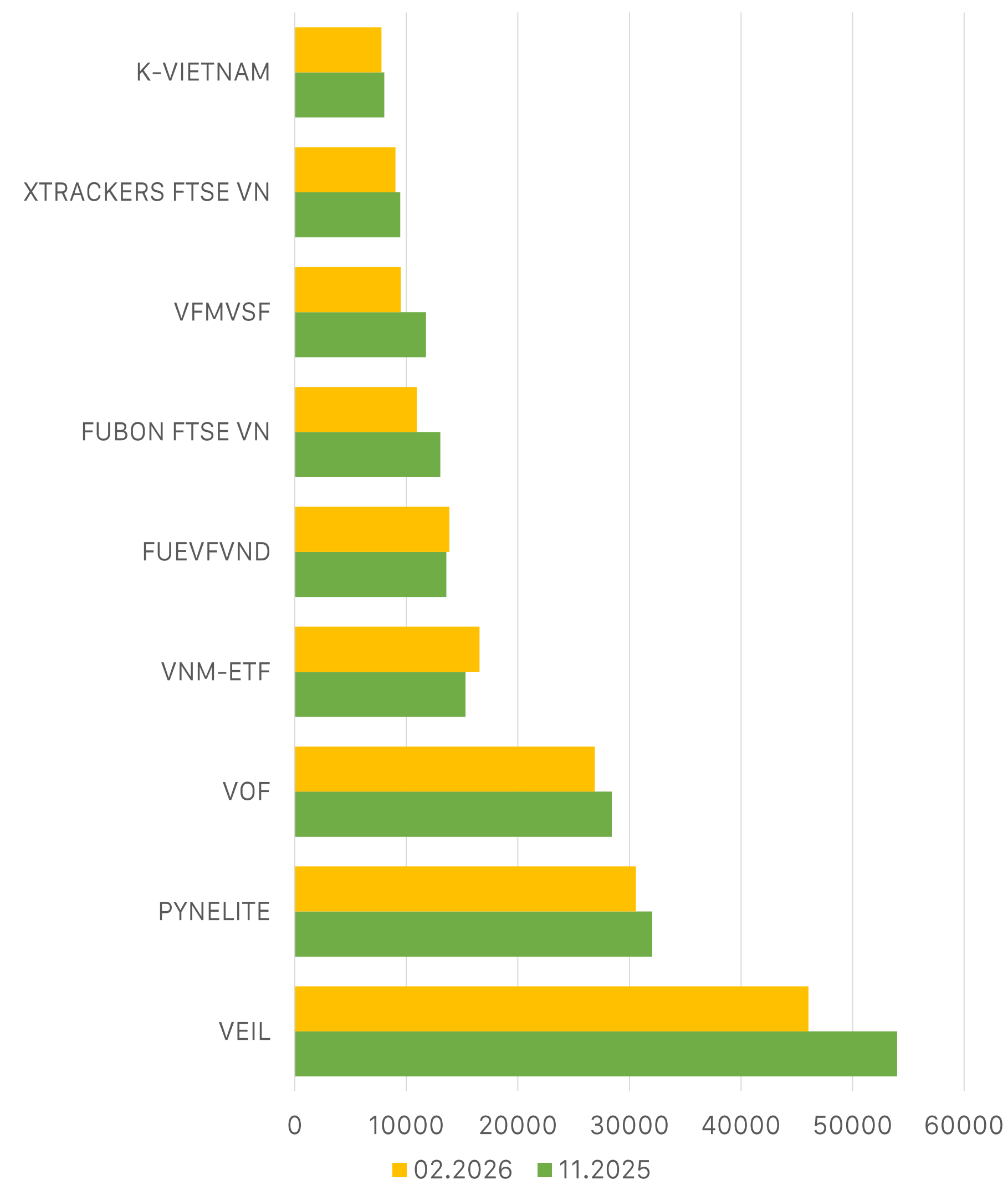
Dòng tiền các quỹ khác (tỷ VND)



Thị trường mới nổi: dòng tiền chọn lọc

- Các quỹ cổ phiếu thị trường mới nổi (EM) tiếp tục ghi nhận dòng vốn vào, chủ yếu nhờ các quỹ toàn cầu đầu tư vào nhóm này. Điều này diễn ra ngay cả khi cú sốc giá năng lượng và rủi ro thuế quan từ Mỹ vẫn hiện hữu.
- Tại châu Á, dòng tiền quay trở lại Trung Quốc sau kỳ nghỉ Tết âm lịch với mức tăng mạnh nhất kể từ đầu tháng 1. Ở khu vực Mỹ Latinh, Brazil đóng góp lớn nhất vào dòng vốn khi kỳ vọng ngân hàng trung ương nước này có thể bắt đầu chu kỳ cắt giảm lãi suất từ mức cao nhất trong 20 năm. Ngược lại, khu vực EMEA ghi nhận dòng vốn rút ra lần đầu kể từ giữa tháng 12 do căng thẳng quân sự gia tăng, đặc biệt tại Thổ Nhĩ Kỳ và Romania.

Top 10 tài sản ròng (tỷ VND)



Ngành năng lượng và công nghệ dẫn dắt dòng tiền

- Dòng vốn ngành cho thấy sự kết hợp giữa câu chuyện địa chính trị và xu hướng công nghệ. Các quỹ năng lượng hút hơn 6 tỷ USD – mức cao nhất lịch sử – và kéo dài chuỗi 11 tuần dòng tiền vào, vượt 20 tỷ USD. Nhiều quỹ ETF dầu khí của Trung Quốc đóng góp phần lớn dòng vốn này.
- Song song, các quỹ công nghệ cũng thu hút hơn 4 tỷ USD, chủ yếu vào các ETF đòn bẩy liên quan đến bán dẫn và các công ty AI lớn. Ngoài ra, các quỹ hàng hóa, công nghiệp và hạ tầng cũng ghi nhận dòng tiền đáng kể, trong khi nhóm tài chính tiếp tục bị rút vốn.

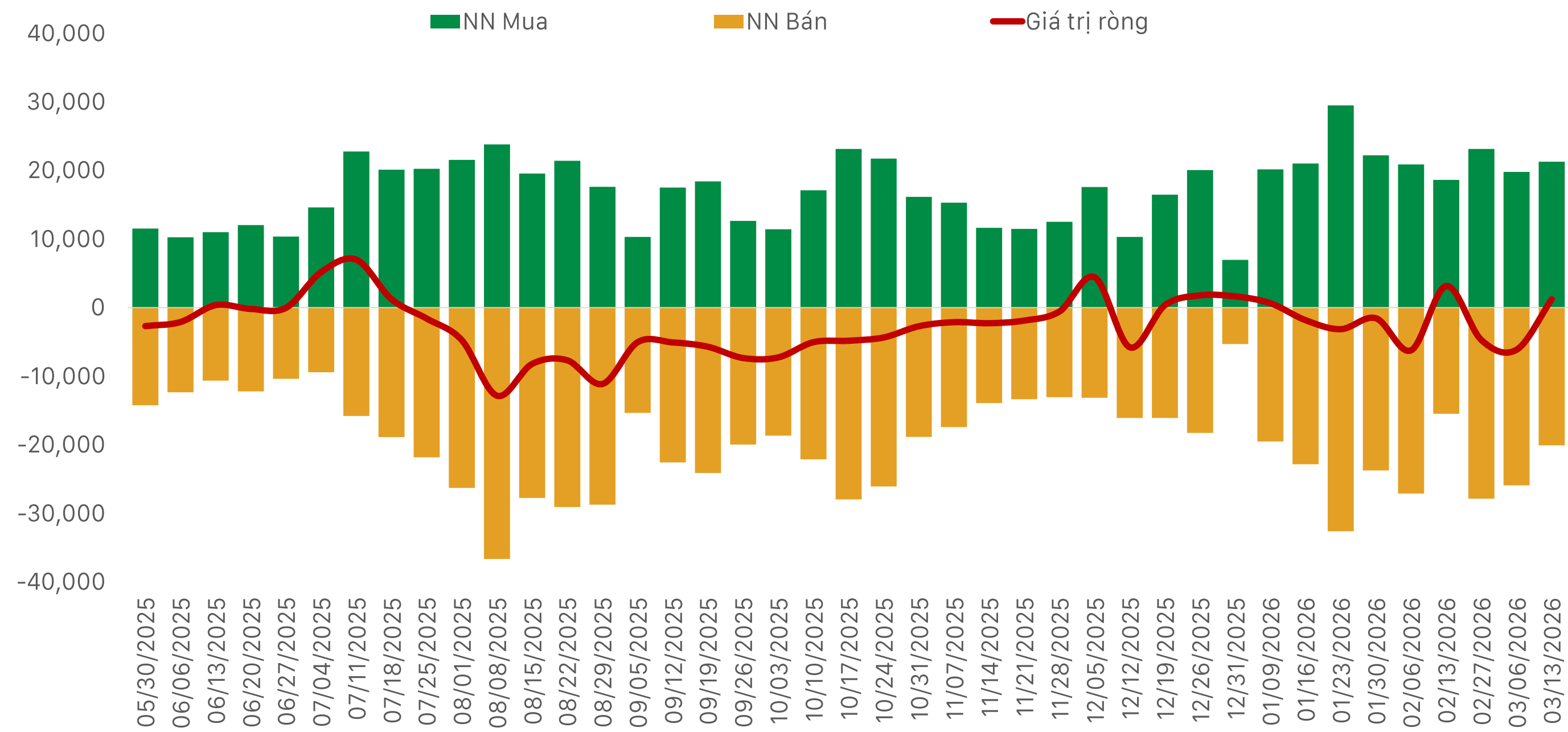
Trái phiếu tiếp tục là nơi trú ẩn

- Dòng vốn vào các quỹ trái phiếu vẫn duy trì mạnh với gần 20 tỷ USD trong tuần gần nhất, nâng tổng dòng tiền từ đầu năm lên hơn 220 tỷ USD. Nhà đầu tư có xu hướng giảm rủi ro tín dụng doanh nghiệp nhưng vẫn chấp nhận rủi ro lạm phát do giá năng lượng.
- Đáng chú ý, các quỹ trái phiếu Mỹ ghi nhận tuần thứ 45 liên tiếp có dòng tiền vào khi lợi suất trái phiếu 10 năm giảm xuống dưới 4%. Trong khi đó, các quỹ trái phiếu thị trường mới nổi vẫn giữ được sức hút, đặc biệt tại Mexico, Brazil và Nga.

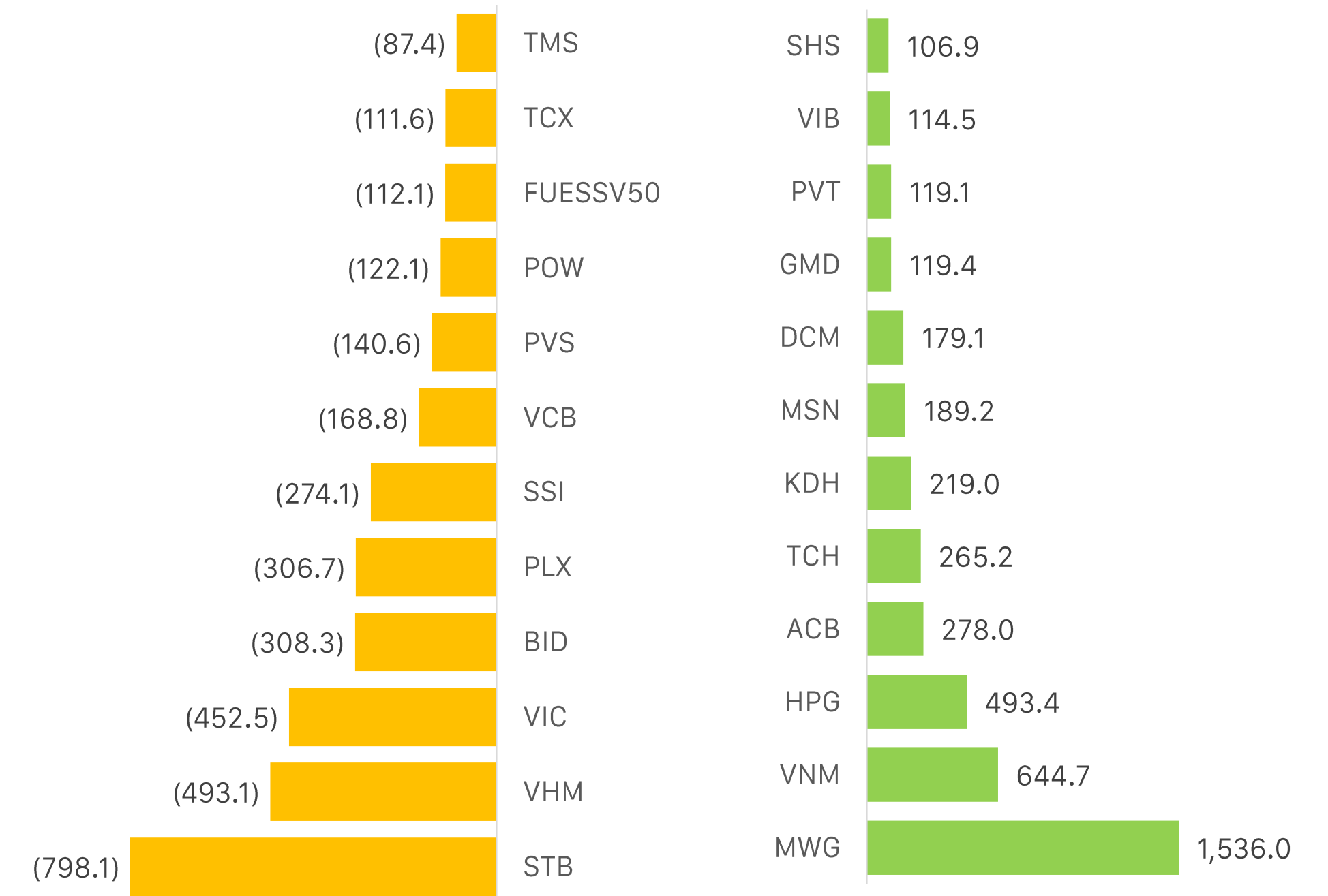
KHỐI NGOẠI GIA TĂNG GIAO DỊCH VÀ BÁN RÒNG NHIỀU HƠN



Giá trị mua bán khối ngoại theo tuần (tỷ VND)



Top CP khối ngoại mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)

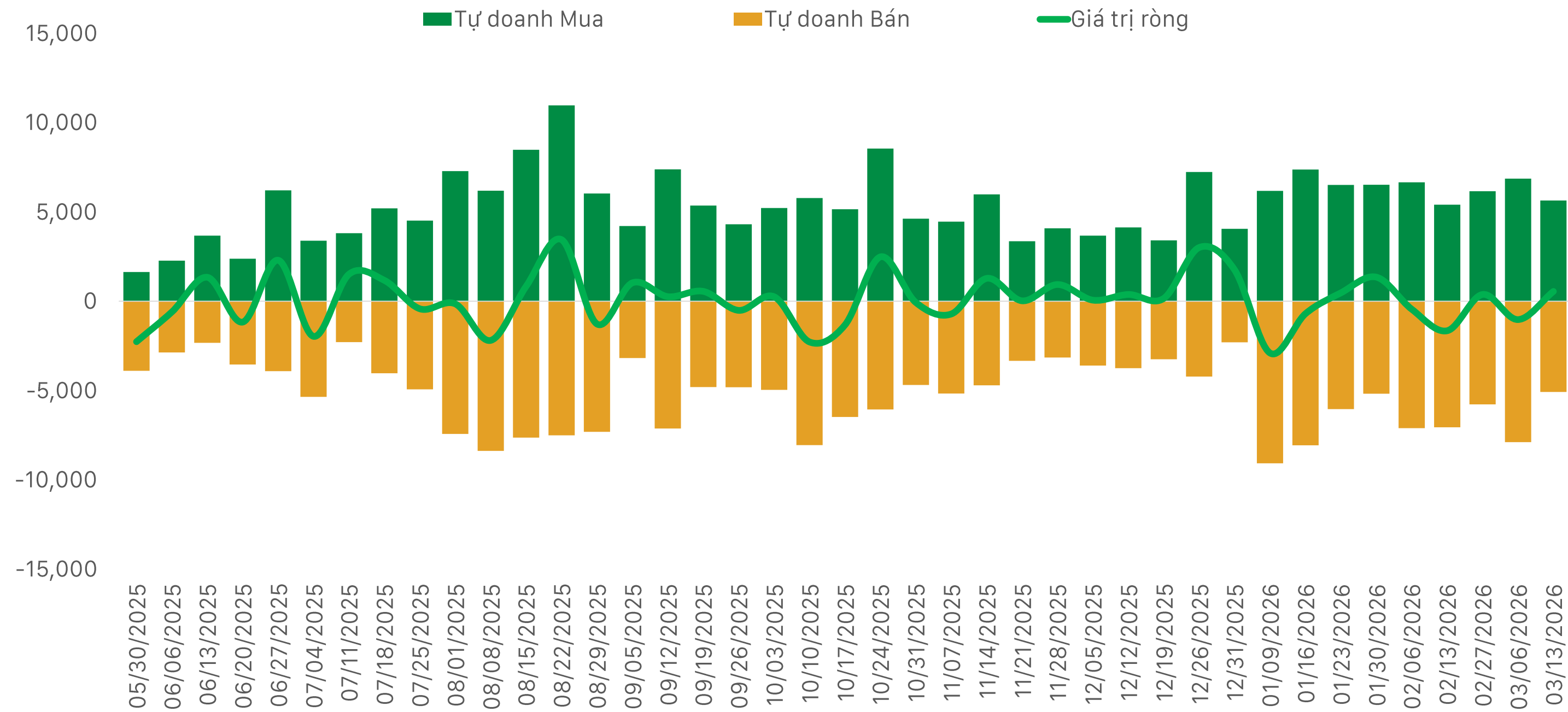


- Trong tuần 9-13/3 khối ngoại mua vào trên 21 ngàn tỷ đồng, tăng khoảng 7% so với tuần trước và bán ra 20 ngàn tỷ đồng. Tính chung cả tuần khối ngoại mua ròng khoảng 1200 tỷ đồng. Đây là tuần mua ròng đầu tiên sau 2 tuần liên tiếp bán ròng hơn 10 ngàn tỷ đồng.
- Đứng đầu nhóm cổ phiếu bán ròng trong tuần là STB với gần 800 tỷ đồng. Một số ngân hàng bán ròng nhiều có BID (308 tỷ), VCB (168 tỷ). Nhóm VIC và VHM bán ròng tổng cộng gần 1000 tỷ đồng. Một số cổ phiếu nhóm dầu khí cũng bán ròng mạnh như PLX, PVS, POW
- Phía mua ròng nổi bật có MWG mua ròng hơn 1500 tỷ đồng, VNM đứng thứ hai với 644 tỷ. Các cổ phiếu còn lại trải đều ở các nhóm ngân hàng, bất động sản, hóa chất, vận tải biển như ACB, KDH, DCM, GMD, PVT.
- Đây là tuần ghi nhận dòng tiền khối ngoại vận động mạnh hơn dù thanh khoản chung thị trường suy giảm.

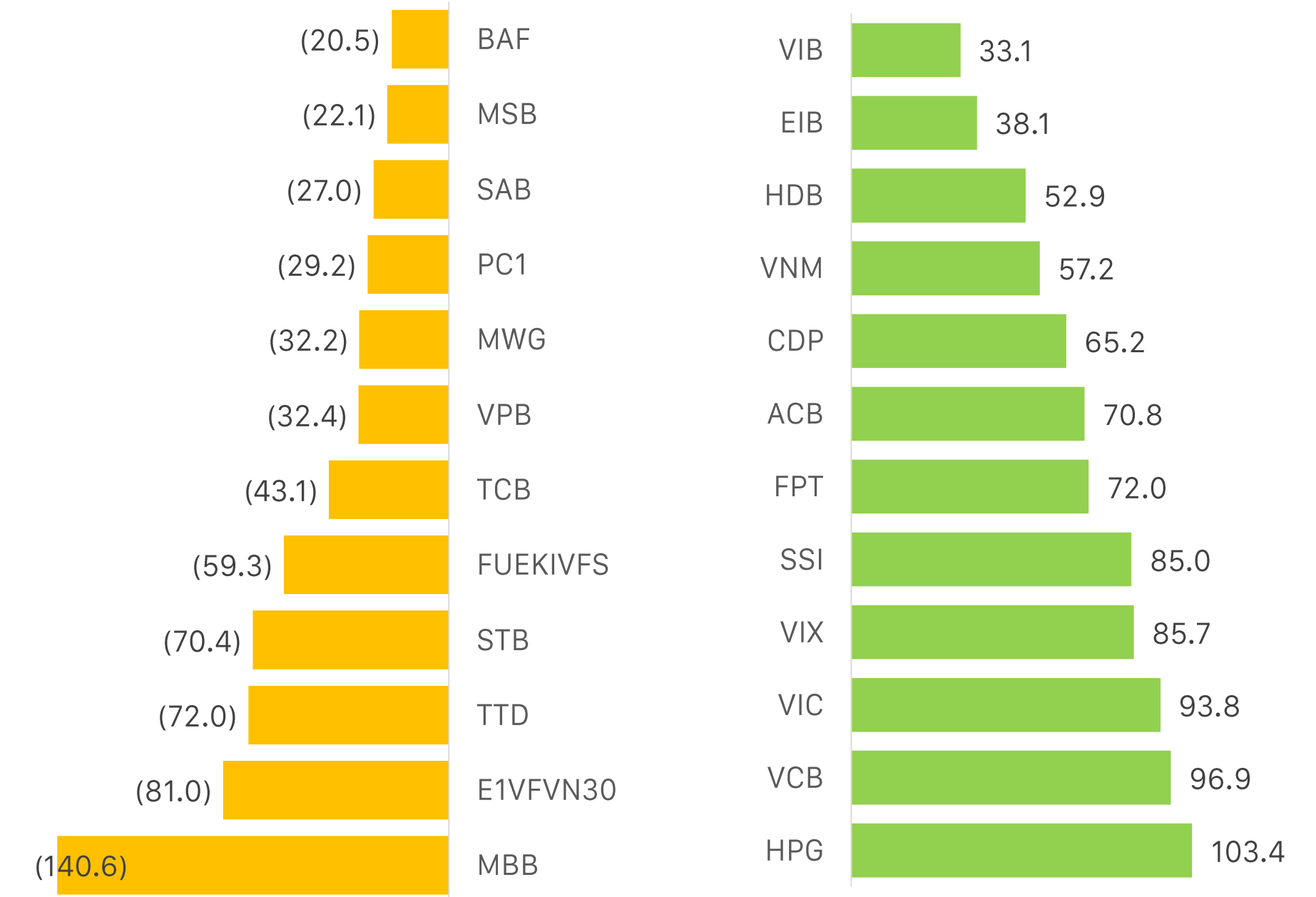
TỰ DOANH MUA BÁN BIẾN ĐỘNG MẠNH



Giá trị mua bán Tự Doanh theo tuần (tỷ VND)



Top CP tự doanh mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)



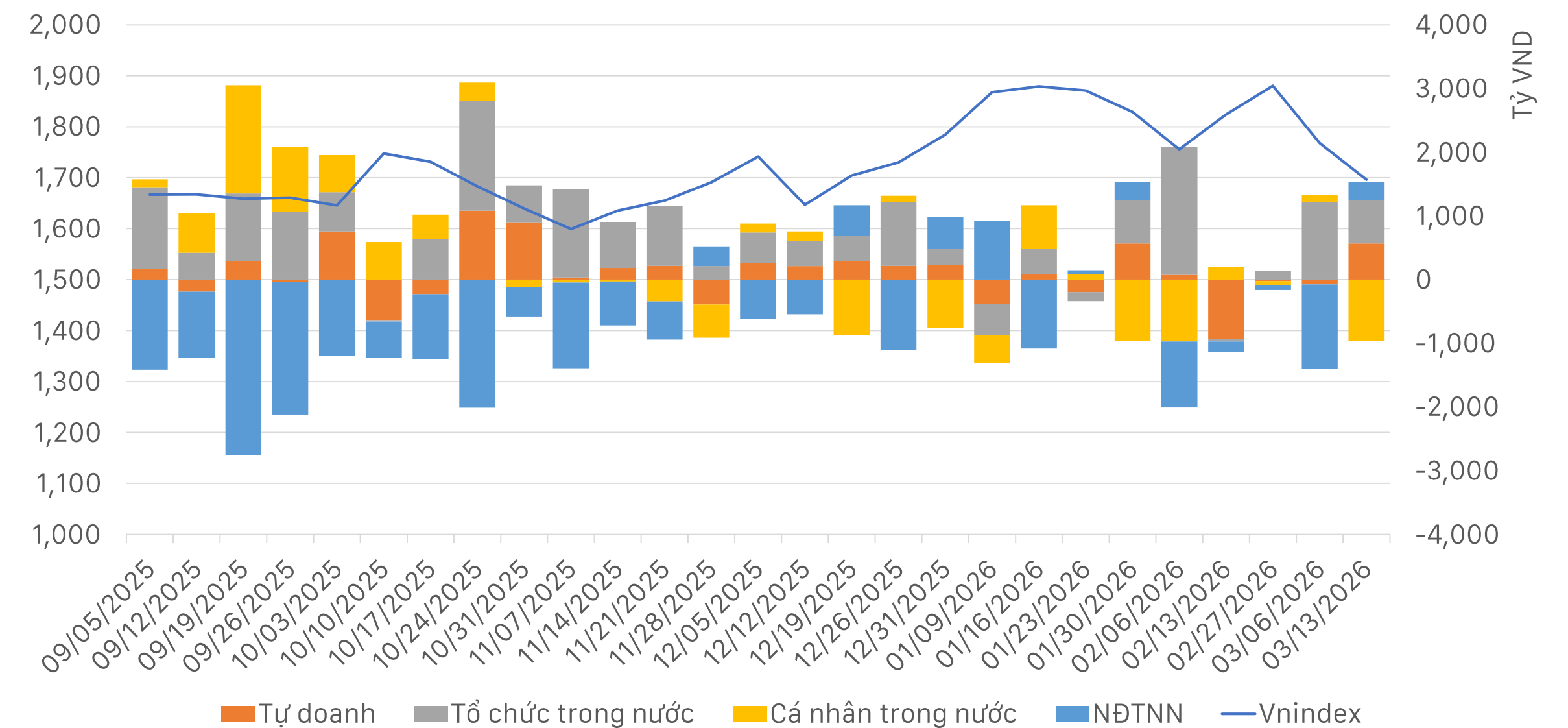
- Tự doanh mua vào khoảng 5635 tỷ đồng và bán ra 5087 tỷ đồng, đều giảm đáng kể so với giao dịch tuần trước đó. Dù vậy cả tuần nhóm tự doanh vẫn mua ròng hơn 500 tỷ đồng.
- MBB là cổ phiếu bán ròng nhiều nhất với khoảng 140 tỷ đồng, Có khá nhiều cổ phiếu ngân hàng bán ròng nhiều trong tuần qua như STB, TCB, VPB, MSB.
- Một số cổ phiếu tự doanh mua ròng khá tập trung hầu hết ở nhóm blue chip như HPG, VCB, VIC, VIX, SSI, FPT.

Tỷ trọng phân bố dòng tiền

Phân ngành	Tỷ trọng dòng tiền	Cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh	Sức mạnh dòng tiền
Ngân hàng	19.5%	STB, MBB, SHB, VPB, TCB	
Dịch vụ tài chính	11.2%	SSI, VCI, FTS, HCM, VIX, VND	
Bất động sản	13.9%	DIG, PDR, NLG, NVL	
Hóa chất	2.7%	DPM, DCM, GVR	
Tài nguyên Cơ bản	5.5%	HPG, HSG, NKG	
Ô tô và phụ tùng	5.2%	HHS, HUT	
Bán lẻ	6.8%	MWG, DGW, PET	
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.8%	TCM, TNG, PNJ	
Viễn thông	8.1%	VGI, FOX, VGI	
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.9%	POW, GEG, REE	
Dầu khí	4.0%	PVD, PVS	
Thực phẩm và đồ uống	11.2%	DBC, MSN, HAG, BAF	
Xây dựng và Vật liệu	1.6%	CII, HHV, VCG	
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.9%	GEX, VSC, HAH, VTP, GMD	
Y tế	1.1%	DCL, DBD	
Công nghệ Thông tin	0.3%	FPT, CMG, CTR	
Truyền thông	0.0%	YEG	
Bảo hiểm	0.2%	BVH	
Du lịch và Giải trí	0.1%	HVN	

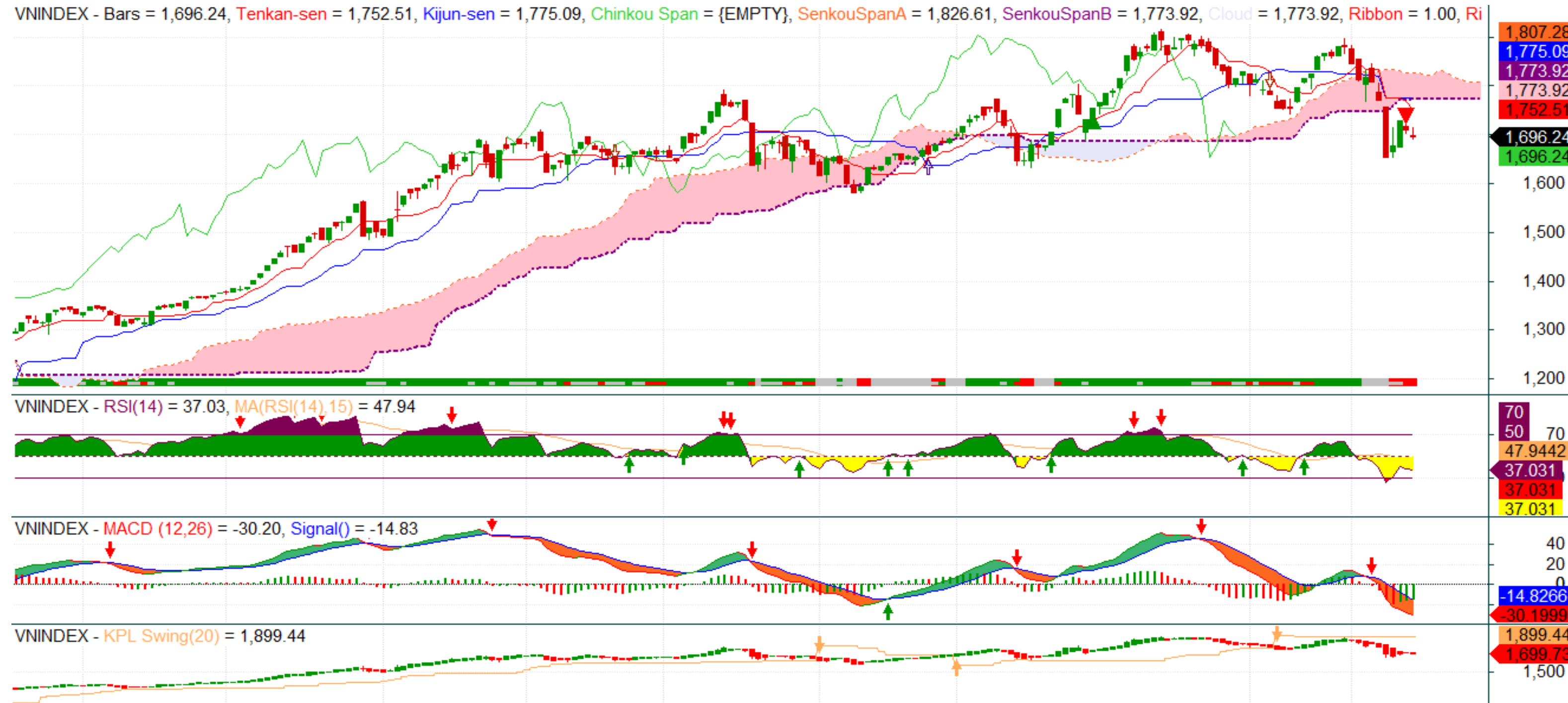
- Dòng tiền giao dịch nhóm ngân hàng và bất động sản chiếm tỷ trọng lớn khoảng 40% so với phần còn lại của thị trường. Trong tuần qua nhà đầu tư giao dịch khá mạnh tập trung ở nhóm NVL, SHB, MBB, ACB.
- Thanh khoản chung thị trường có sự giảm nhẹ so với tuần trước do hoạt động thoái vốn mạnh mẽ khi thị trường sụt giảm. Ngoài ra dòng tiền chuyển dịch mạnh ra khỏi dầu khí, chứng khoán và chuyển sang nhóm đầu tư công, bất động sản.

Cơ cấu khớp lệnh theo nhóm nhà đầu tư

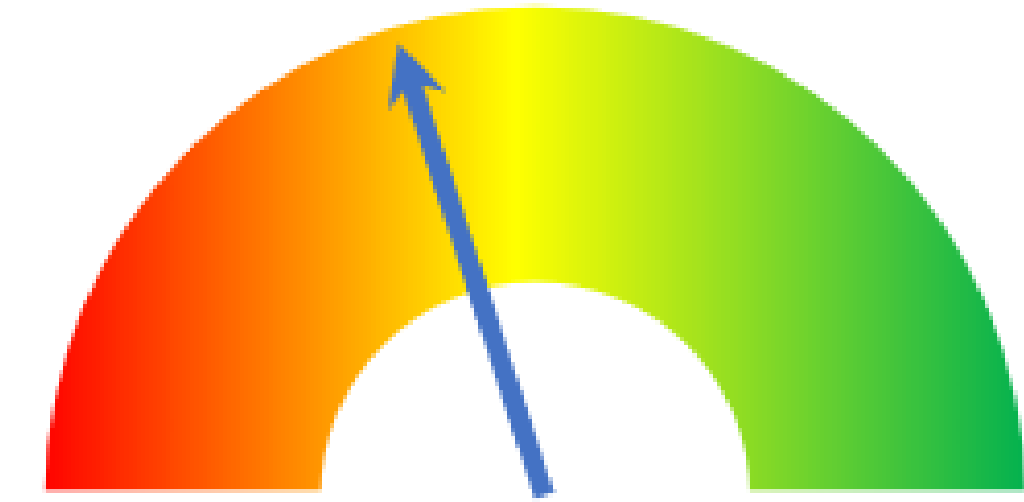


CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT





Mức độ hưng phấn thị trường



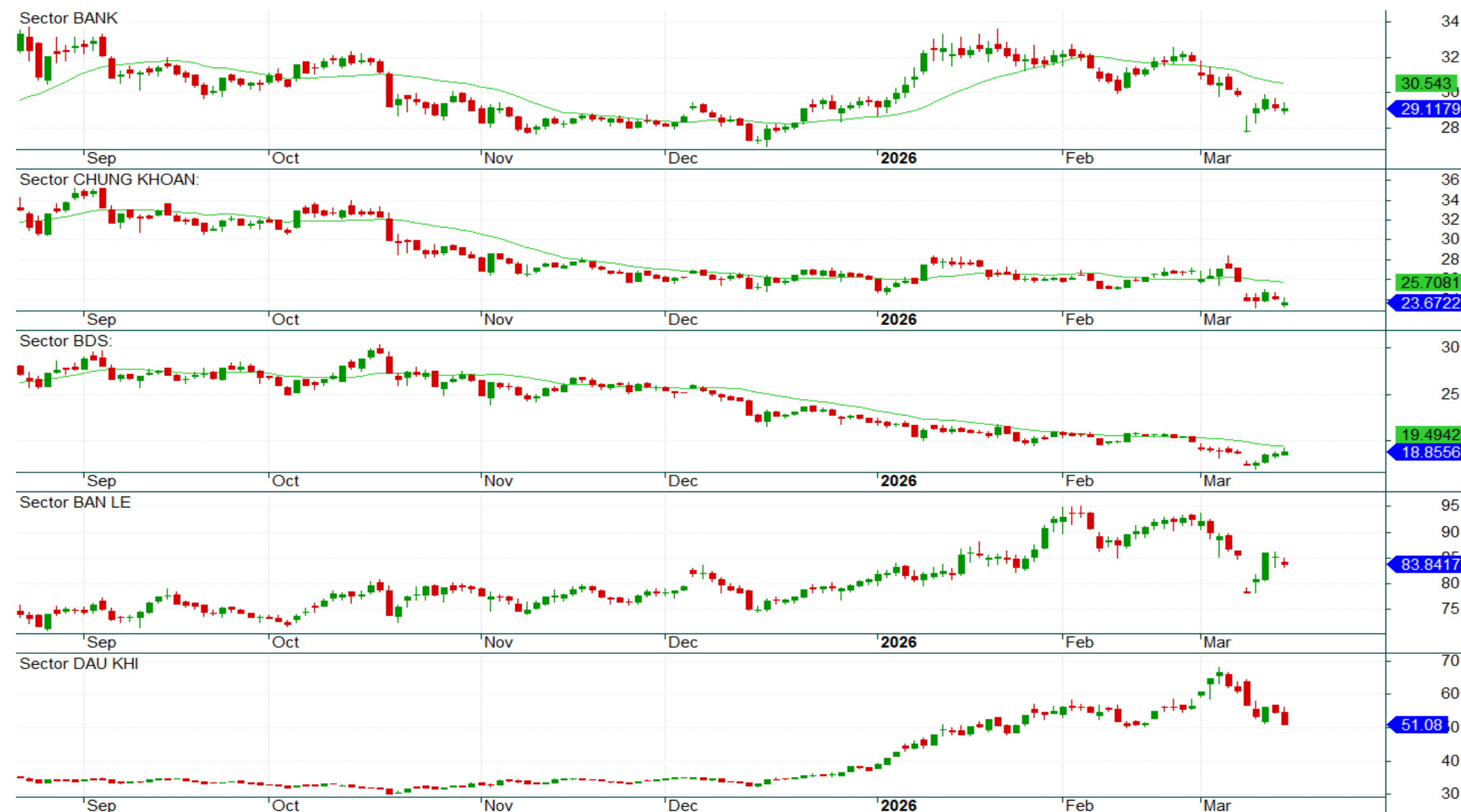
RSI	37.05
MACD	-30.20
MFI	44.13
MA20	1814
MA50	1816
MA200	1617

- Tính từ đầu tháng chỉ số Vnindex đã giảm khoảng -10% và là mức giảm đáng kể trong mỗi đợt điều chỉnh. Theo thống kê thì thường chỉ số Index sẽ hồi phục dần sau khoảng từ 2-3 tuần với nền giá trung hạn nằm quanh 1600. Dấu ấn tâm lý nhà đầu tư trong tuần qua khá dao động mạnh khi có những phiên chỉ số rung lắc rất mạnh. Dù vậy dòng tiền vẫn liên tục tìm cơ hội mới ở các nhóm cổ phiếu bất động sản, đầu tư công là điểm tích cực trong ngắn hạn.
- Xét trên góc độ kỹ thuật, VN-Index hiện đang nằm dưới đường trung bình ngắn hạn như MA20 và MA50, trong khi các chỉ báo động lượng vẫn ở trạng thái yếu. RSI lụi về vùng quanh 37 điểm, phản ánh thị trường tiến gần vùng quá bán ngắn hạn, còn MACD tiếp tục duy trì xu hướng giảm. Điều này cho thấy áp lực điều chỉnh vẫn chưa hoàn toàn kết thúc, tuy nhiên việc chỉ số giảm khoảng 10% cũng đồng thời mở ra khả năng xuất hiện các nhịp hồi kỹ thuật trong tuần tới, đặc biệt khi chỉ số tiến gần vùng hỗ trợ mạnh quanh 1.640–1.660 điểm. Về xu hướng áp lực giảm của Vnindex đang chậm lại và có thể sớm tạo đáy quanh vùng 1650 – 1680 và có thể mở ra giai đoạn phục hồi trở lại.

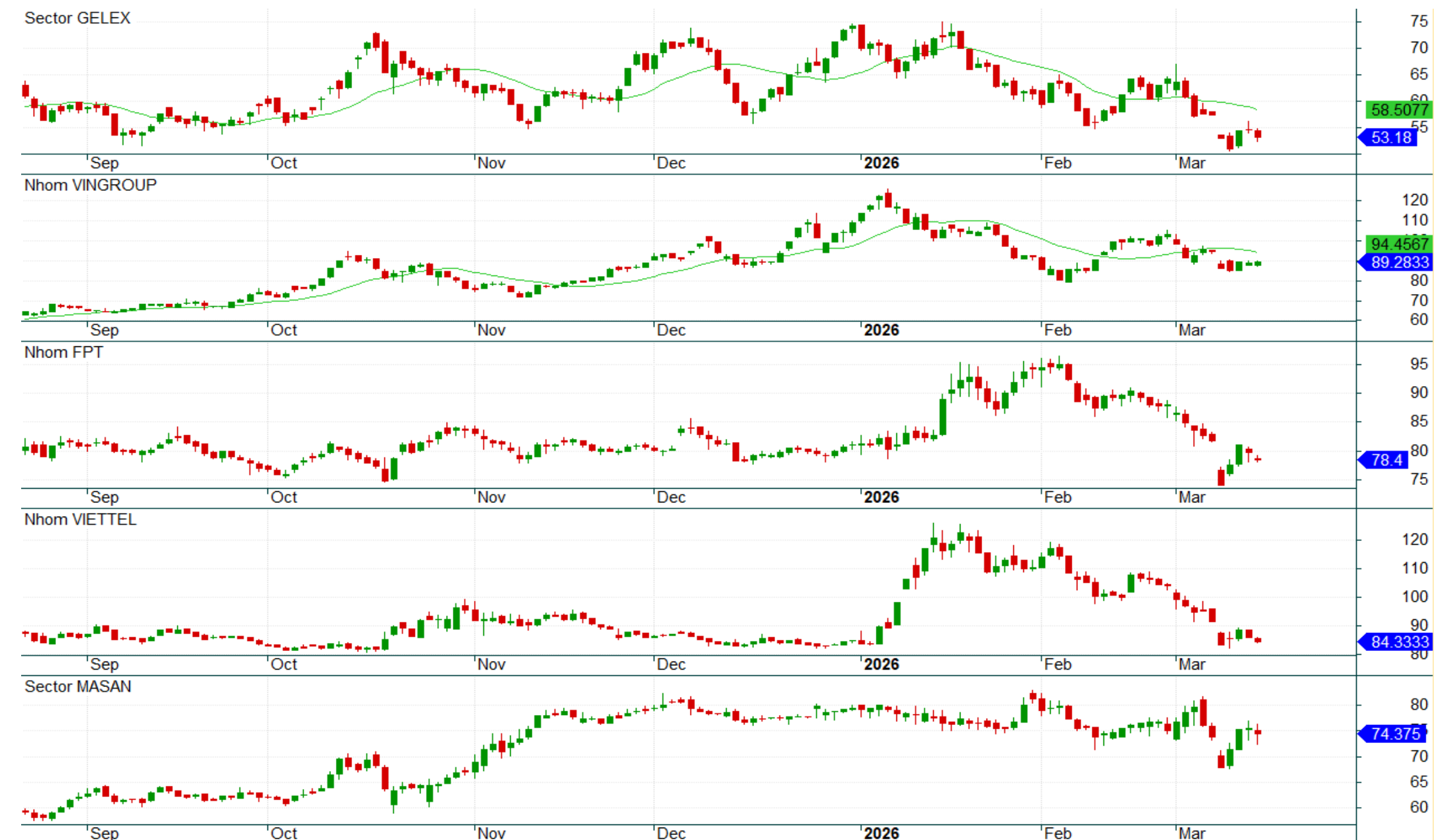
XU HƯỚNG GIÁ CÁC NHÓM CỔ PHIẾU – NGÀNH DẪN ĐẦU



- **Nhóm ngân hàng** nhiều CP đang tích lũy nên giá sâu: Nhóm CP tốt ưu tiên MBB, TCB, ACB, CTG.
- **Nhóm chứng khoán** Nhiều CP đã chạm hỗ trợ mạnh. Nhóm ưu tiên: TCX, VIX, SSI, HCM.
- **Nhóm BĐS** là nhóm phục hồi tốt nhất trong tuần tuy nhiên xu hướng tăng có thể phân hóa. Nhóm ưu tiên: KDH, VIC, NVL, VHM, VPL
- **Nhóm bán lẻ** Chờ nền tích lũy sâu hơn MWG, DGW.
- **Nhóm dầu khí** đang trong giai đoạn giảm do chốt lời, chờ tín hiệu hồi phục. Ưu tiên nhóm CP BSR, PLX.



- **Nhóm Gelex** giảm theo xu hướng thị trường nhưng đang tạo đáy. GEX hỗ trợ quanh 30, VIX – 15.5
- **Nhóm VINGROUP** Đã chậm đà giảm, đang tích lũy đi ngang. VIC hỗ trợ mạnh 120, VHM – 90. VRE - 24
- **Nhóm FPT** tiếp tục giảm sâu ở FPT, chờ tín hiệu hồi phục. FOC đang hồi.
- **Nhóm Viettel** tiếp tục trạng thái giảm sâu ở VTP, CTR, VGI.
- **Nhóm MASAN** tăng trở lại đặc biệt ở MSR nhưng áp lực chốt lời cũng khá cao. MSN có hỗ trợ mạnh quanh 70



Thị trường vẫn trong trạng thái suy giảm vì vậy chiến lược ưu tiên chuyển sang trạng thái phòng thủ và chờ cơ hội. Các nhóm cổ phiếu cơ bản như nhóm ngân hàng, chứng khoán, dầu khí, hóa chất, nông nghiệp ưu tiên giao dịch nắm giữ. Một số cổ phiếu đã chạm vùng hỗ trợ mạnh có thể xem xét giải ngân dần.

Cổ phiếu quan tâm: SHB, EIB, GMD, VJC, MBB, CTG, ACB, SSI, VCI, HAG, MWG, BSR, KDH

Danh mục cổ phiếu quan tâm trung hạn:











Ngân hàng: **MBB**

Bán lẻ, thực phẩm: **MWG, HAG**

STT	CP	Giá mục tiêu	Lợi suất kỳ vọng (%)	EPS	PE	Điểm nhấn đầu tư
1	HAG	20,000	30%	1,700	9.4	<ul style="list-style-type: none"> HAG đã tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả, lợi nhuận ổn định đạt 1.000 tỷ đồng năm 2024, quý 1/2025 đạt doanh thu 1.380 tỷ và lợi nhuận 341 tỷ, mục tiêu năm 2025 đạt doanh thu 5.500 tỷ và lợi nhuận sau thuế trên 1.100 tỷ đồng. Triển khai 2.000ha dâu nuôi tằm sản xuất tơ xuất khẩu, 2.000ha cà phê Arabica và thí điểm nuôi 700.000 con cá tầm tại Lào, dự kiến thu hoạch từ năm 2026 trở đi Khoản vay ngắn hạn hơn 6.000 tỷ đồng, nợ dài hạn 1.435 tỷ đồng, tỷ lệ nợ vay/VCSH giảm từ 180% (2020) xuống còn 77%, lỗ lũy kế giảm mạnh còn khoảng 82,7 tỷ, kỳ vọng xóa hết lỗ lũy kế trong năm 2025.
2	MWG	110,000	25%	4,800	18.5	<ul style="list-style-type: none"> MWG đạt doanh thu tăng trưởng cao hơn thị trường chung nhờ mảng điện tử, đặc biệt là điện thoại, laptop và thiết bị gia dụng. BHX mở mới 410 cửa hàng trong 5 tháng, vượt mục tiêu đề ra, doanh thu tăng 19% YoY. MWG đóng cửa một số cửa hàng TGDD và DMX, ưu tiên tối ưu hóa mạng lưới cửa hàng và cải thiện hiệu quả hoạt động. MWG đạt 41% kế hoạch doanh thu năm 2025 và mở rộng thị trường quốc tế tích cực thông qua EraBlue tại Jakarta.
3	MBB	33,000	25%	3,320	8.2	<ul style="list-style-type: none"> Dư nợ tín dụng và đầu tư trái phiếu tổ chức kinh tế đạt 962 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6%, trong đó dư nợ cho vay khách hàng tăng 20% Lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm 2025 đạt 23.139 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ, hoàn thành 73% kế hoạch năm. Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất của MB ở mức 1,87%, giảm 0,36% so với cùng kỳ năm 2024. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu 80%, cao hơn bình quân toàn ngành. Ngân hàng phục vụ hơn 33,9 triệu khách hàng, ghi nhận hơn 9,6 tỷ giao dịch số trong 9 tháng; doanh thu kênh số chiếm ~ 40% tổng doanh thu hệ thống.

LỊCH SỰ KIỆN



Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
 <p>Mỹ: Empire State Manufacturing Index tháng 3. Tác động: Kết quả yếu làm giảm nhẹ tâm lý USD và cổ phiếu công nghiệp.</p>	 <p>Châu Âu: Dữ liệu thất nghiệp & lương Anh (09:30). Tác động: Lương tăng cao gây hawkish BoE, làm mạnh GBP và ảnh hưởng EUR gián tiếp.</p>	 <p>Mỹ Châu Âu: CPI tháng 2 (11:00). Tác động: Cao hơn kỳ vọng đẩy EUR mạnh lên, tăng áp lực ECB giữ lãi suất.</p>	 <p>Thượng đỉnh Mỹ-Nhật. Tác động: Tăng hợp tác thương mại-quốc phòng, hỗ trợ yên Nhật và cổ phiếu công nghệ liên quan.</p>	 <p>Trung Quốc: Quyết định Lãi suất cơ bản cho vay (LPR). Tác động: Giảm LPR kích thích kinh tế, hỗ trợ CNY dài hạn và chứng khoán châu Á.</p>
 <p>Trung Quốc công bố Sản xuất công nghiệp & Bán lẻ tháng 2 (02:00). Tác động: Dữ liệu dưới kỳ vọng làm giảm niềm tin phục hồi, gây áp lực bán CNY và hàng hóa toàn cầu, chứng khoán châu Á giảm.</p>	 <p>Mỹ công bố Doanh số bán lẻ tháng 2 (13:30). Tác động: Mạnh hơn dự báo hỗ trợ USD và chứng khoán Mỹ; yếu thúc đẩy kỳ vọng cắt giảm lãi suất Fed, lợi cho vàng.</p>	 <p>Mỹ: PPI tháng 2 (13:30) và Quyết định lãi suất Fed + họp báo Powell (19:00-19:30). Tác động: Hawkish dot-plot làm USD tăng mạnh, chứng khoán và vàng biến động lớn, lợi suất trái phiếu Mỹ lên.</p>	 <p>Châu Âu: Quyết định lãi suất ECB + họp báo (14:15-14:45). Tác động: Giữ nguyên với hướng dẫn ổn định, hỗ trợ EUR nhưng tăng biến động nếu để cập dầu mỏ.</p>	 <p>Nhật Bản: CPI quốc gia tháng 2 (00:30). Tác động: Lạm phát cao hơn dự báo đẩy BOJ hawkish sau, làm JPY mạnh thêm.</p>

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	VFG	HOSE	25/03/2026	26/03/2026	16/04/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	HJS	HNX	24/03/2026	25/03/2026	3/4/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	VTC	HNX	20/03/2026	23/03/2026	10/4/2026	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	PDN	HOSE	20/03/2026	23/03/2026	6/4/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	DP3	HNX	20/03/2026	23/03/2026	29/06/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	ADC	HNX	20/03/2026	23/03/2026	11/5/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	CMF	UPCoM	19/03/2026	20/03/2026	11/5/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	GEE	HOSE	19/03/2026	20/03/2026	8/4/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	HGM	HNX	19/03/2026	20/03/2026	9/4/2026	Trả cổ tức đợt 3/2025 bằng tiền, 8,800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	PPP	HNX	19/03/2026	20/03/2026	22/04/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	STP	HNX	19/03/2026	20/03/2026	20/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SDC	HNX	19/03/2026	20/03/2026	20/04/2026	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	TLT	UPCoM	18/03/2026	19/03/2026		Hoán đổi cổ phiếu Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long (mã chứng khoán TLT) thành cổ phiếu Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (mã chứng khoán VIT)	Hoán đổi cổ phiếu
14	LAF	HOSE	18/03/2026	19/03/2026	17/04/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	VNL	HOSE	18/03/2026	19/03/2026	10/4/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	VIH	UPCoM	18/03/2026	19/03/2026		Hoán đổi cổ phiếu Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội (mã chứng khoán VIH) thành cổ phiếu Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (mã chứng khoán VIT)	Hoán đổi cổ phiếu
17	ACE	UPCoM	17/03/2026	18/03/2026	29/05/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	ABT	HOSE	17/03/2026	18/03/2026	16/04/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	KHS	HNX	17/03/2026	18/03/2026	30/03/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	THG	HOSE	16/03/2026	17/03/2026	10/4/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán OCBS, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán OCBS. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7770 1212

Website: <https://ocbs.com.vn/>

Phòng phân tích

Email: research@ocbs.com.vn



THANK YOU